

Số/No.: 63/CV - CTĐH

Bến Tre, ngày 27 tháng 05 năm 2022
Bentre, May 27th, 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock
Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE/
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BEN TRE
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DHC
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Lô AIII, KCN Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành,
tỉnh Bến Tre, Việt Nam/ Lot AIII, Giao Long Industrial Zone, An Phuoc Ward, Chau Thanh
District, Ben Tre Province, Viet Nam.
 - Điện thoại/ *Telephone*: 0275.3635739
 - Fax: 0275.3635222
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: ông Lê Bá Phương/ Mr Le Ba Phuong
Chức vụ/ *Position*: Tổng giám đốc/ General Director
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Tài liệu họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022/ *Document for The Annual Shareholders'
Meeting 2022.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/05/2022
tại đường dẫn : www.dohacobentre.com.vn tại mục Quan hệ cổ đông
*This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 27/05/2022 Available at:
www.dohacobentre.com.vn at Shareholder.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./
*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally
responsible for any misrepresentation.*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL DIRECTOR**



Lê Bá Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

DC: Lã A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.3470655 - 3611666 * Fax: 075.363222 - 3611222
Email: donghaibentres@yahoo.com * Website: www.dohaibentrec.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- **Địa điểm:** Hội Trường - Nhà Hàng Đồng Khởi 2 – Số 210B Đại lộ Đồng Khởi, Phường Phú Khương, Thành Phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

- **Thời gian:** từ 7 giờ 30 phút, thứ sáu, ngày 17/06/2022

STT	Nội dung	Phụ trách	Thời gian	Ghi chú
I. Nghi thức khai mạc Đại Hội				
01	Tiếp đón đại biểu, đăng ký tham dự, phát tài liệu	BTC	7h30 - 8h00	
02	Công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Trưởng BKS	8h00 - 8h5	
03	Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và thông qua Ban Kiểm phiếu/Ban Bầu cử	Trưởng BTC	8h5 - 8h15	Biểu quyết bằng thẻ
04	Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội			
05	Thông qua Thẻ lệ biểu quyết; Quy chế bầu cử, ứng cử, đề cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2026			
II. Chương trình Đại Hội				
06	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021 và Kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2022-2026, năm 2022	Thành viên Ban TGD	8h20 - 8h35	
07	-Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021 và Kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2022-2026, năm 2022 -Báo cáo tình hình sử dụng vốn đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu năm 2018	Thành viên HĐQT	8h35 - 8h50	
08	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021	Trưởng BKS	8h50 – 9h00	

STT	Nội dung	Phụ trách	Thời gian	Ghi chú
09	- Các Tờ trình của HDQT về các vấn đề xin ý kiến Đại hội - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại Hội	Đoàn Chủ tịch	9h00-10h15	Biểu quyết bằng thẻ
10	Thảo luận của cổ đông và giải trình của HDQT	Đoàn Chủ tịch		Phiếu ý kiến
III. Biểu quyết và Bầu cử				
11	-Thông qua các nội dung của Phiếu biểu quyết -Thông qua Danh sách ứng cử HDQT, BKS nhiệm kỳ 2022 – 2026	Đoàn Chủ tịch	10h15-10h20	
12	-Biểu quyết các vấn đề theo tờ trình của HDQT -Bầu cử HDQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2026	Cổ đông	10h20-10h30	-Phiếu biểu quyết -Phiếu bầu cử
13	Giải lao Ban kiểm phiếu/bầu cử tiến hành kiểm phiếu		10h30-11h00	
14	Thông qua kết quả kiểm phiếu và kết quả bầu cử	Trưởng Ban Kiểm Phiếu/ Bầu cử	11h00-11h15	
15	- HDQT họp phiên đầu tiên bầu Chủ tịch HDQT, Phó Chủ tịch HDQT - BKS họp phiên đầu tiên bầu Trưởng BKS		11h15-11h30	
16	Giải lao			
IV. Bế mạc Đại Hội				
17	Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội	11h30-11h45	
18	-Cảm ơn & chia tay HDQT và BKS nhiệm kỳ 2017-2021 -Ra mắt HDQT, BKS nhiệm kỳ 2022 - 2026	Đoàn Chủ tịch	11h45-12h00	
19	Đáp từ bế mạc	Chủ tịch HDQT	12h-12h10	
20	Tiệc chiêu đãi		12h10	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

DC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.363222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacoentre.com.vn

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCD thường niên của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCD thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCD, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre và khách mời tham dự ĐHĐCD thường niên Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCD thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (*người được ủy quyền*)

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết¹.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 16/05/2022 đều có quyền tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự ĐHĐCĐ trực tiếp tại địa điểm họp hoặc tham dự trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử. Trường hợp có nhiều

¹ Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty

hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.
- Đoàn chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa Đại hội. Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên Hội đồng quản trị

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua;
 - Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;
 - Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
 - Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có);

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại Hội;
- Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội;
- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội;
- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình. Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng Ban Kiểm Soát
2	Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS

- Nhiệm vụ:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp trực tiếp và trực tuyến;
 - Nhận giấy tờ của cổ đông (nếu phát sinh), đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự trực tuyến;
 - Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành;
 - Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Ban Thư ký Đại hội

- Ban thư ký của Đại hội bao gồm một hoặc một số người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa. Ban Thư ký do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1		
2		

- Nhiệm vụ:

- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các đại biểu tham dự, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
- Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại Hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu/bầu cử

- Ban kiểm phiếu/bầu cử do Chủ tọa giới thiệu gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên.
- Ban kiểm phiếu/bầu cử bao gồm:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1		
2		

- Nhiệm vụ:

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận đặt câu hỏi vào Phiếu đặt câu hỏi do Ban tổ chức phát.
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHDCD thảo luận và biểu quyết công khai. Đại biểu tham dự bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp.

2. Bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp:

- Khi tham dự ĐHDCD trực tiếp tại địa điểm họp, đại biểu được phát Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu ĐHDCD). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Khi thực hiện bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp, đại biểu bỏ phiếu biểu quyết theo 02 hình thức biểu quyết như sau:
 - Hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội (bao gồm thành phần Ban Kiểm phiếu và các nhân sự khác); Thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - Hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021 và kế hoạch kinh doanh nhiệm kỳ 2022-2026, năm 2022, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình tại Đại hội.

- Cách thức biểu quyết: Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết:
 - Đối với hình thức giơ Thẻ biểu quyết: Mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số Phiếu biểu quyết tương ứng của từng đại biểu Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
 - Đối với hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự (trực tiếp hoặc trực tuyến) đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 16/05/2022) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 69.994.423 cổ phần tương đương với 69.994.423 quyền biểu quyết.

Mỗi quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo

cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết hợp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Quy chế tổ chức này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giàu Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dhacbcentre.com.vn

QUY CHẾ ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, BẦU CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
(NHIỆM KỲ 2022-2026)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre sửa đổi ban hành ngày 21/12/2021;

Việc bầu cử Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS) tại Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre được tiến hành theo những quy định sau đây:

I. Chủ tọa đoàn tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì cuộc bầu cử:

- Hướng dẫn, tập hợp lập danh sách ứng cử, đề cử của các ứng viên tham gia bầu cử HDQT, BKS; xin ý kiến và thông qua đại hội phê duyệt trước khi thực hiện bầu cử.
- Giới thiệu ban bầu cử HDQT & BKS thông qua đại hội quyết định.
- Giới thiệu danh sách ứng cử viên vào HDQT và BKS khi được đại hội ủy quyền.
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

II. Ban bầu cử:

- Danh sách ban bầu cử do Chủ tọa đoàn giới thiệu, ít nhất có 03 thành viên (số lượng theo yêu cầu khối lượng công việc và thời gian kiểm phiếu).
- Nhiệm vụ ban bầu cử: thực hiện các thủ tục bầu cử HDQT & BKS (phát phiếu bầu, kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu...), nhiệm vụ Ban bầu cử kết thúc khi đã thực hiện hoàn thành bầu cử HDQT & BKS.
- Trách nhiệm Ban bầu cử: thực hiện các thủ tục bầu cử phải trung thực, khách quan, chính xác và đảm bảo tuân thủ các quy tắc bầu cử.

III. Bầu HDQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2026:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 05 người
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 người
- Nhiệm kỳ: 05 năm (2022-2026)

IV. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HDQT, BKS:

- Thư ứng cử thành viên HDQT, BKS (theo mẫu).
- Phiếu đề cử thành viên HDQT, BKS (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu).
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn...

V. Quy chế ứng cử, đề cử HĐQT & BKS:

1. Quyền ứng cử, đề cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

1.1. Quyền ứng cử, đề cử Hội đồng quản trị:

a. Tự ứng cử/đề cử:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b. Các ứng cử viên tự ứng cử và được đề cử phải có các tiêu chuẩn:

- Ứng cử viên tham gia bầu cử vào HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp.

- Là cổ đông hoặc đại diện cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

*** Các trường hợp hạn chế loại trừ:**

- Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề.

2.2. Quyền ứng cử, đề cử Ban kiểm soát:

a. Tự ứng cử/đề cử:

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b. Các ứng cử viên tự ứng cử và được đề cử phải có các tiêu chuẩn:

- Ứng cử viên tham gia Ban Kiểm Soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

- Thành viên Ban kiểm soát không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó và không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

- Thành viên Ban kiểm soát không được là thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên quản lý cấp cao, hoặc bất kỳ người nào mà pháp luật không cho phép nắm giữ cương vị này.

*** Các trường hợp hạn chế loại trừ:**

- Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề.

VI. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện bầu cử theo nguyên tắc dồn phiếu.
- Đúng luật, đúng điều lệ và bỏ phiếu kín.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được sắp xếp thứ tự ABC theo tên và ghi đầy đủ họ, tên trên bảng lớn trước đại hội.

VII. Phương thức bầu cử:

- Phương thức bầu cử (bỏ phiếu):
+ Thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu. Khi thực hiện bỏ phiếu, cổ đông có quyền dồn hết số cổ phần của mình cho một hoặc nhiều ứng cử viên.
+ Mỗi cổ đông dự họp được Ban bầu cử cấp một phiếu bầu HĐQT và một phiếu bầu BKS. Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban bầu cử để xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ.
- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn có đóng dấu của công ty do Ban bầu cử phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.
+ Gạch tên các ứng cử viên.
+ Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban bầu cử phát ra, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu
+ Tổng số cổ phần tín nhiệm cho các thành viên lớn hơn số cổ phần biểu quyết của cổ đông sở hữu.
+ Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông hoặc người được uỷ quyền.
+ Phiếu bầu không có con dấu của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
- Kiểm phiếu: Tiến hành ở một phòng riêng dưới sự giám sát của đại diện cổ đông.
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu hồ sơ, khi có yêu cầu của Đại hội cổ đông, ban bầu cử sẽ mở ra trình trước đại hội.

VIII. Nguyên tắc kiểm phiếu và trúng cử:

- Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo nguyên tắc dồn phiếu.
- Người trúng cử thành viên HĐQT/BKS được lấy từ ứng viên có số bầu cao nhất

cho đến khi đủ số lượng cần bầu.

- Trường hợp ứng cử viên đạt tỷ lệ % cổ đông tín nhiệm ngang nhau thì sẽ tổ chức để bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.

IX. Thi hành:

- Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Các tranh chấp phát sinh trong quá trình bầu cử, đại hội lấy cơ sở pháp luật, Điều lệ và quy chế này để giải quyết.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giàu Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222

Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dolacobentre.com.vn

THƯ ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tôi tên là:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Cấp ngày: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần

(Bằng chữ: cổ phần)

Chiếm tỷ lệ: % trên vốn điều lệ của Công ty.

Đề nghị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre cho tôi được tham gia ứng cử vào
(đánh dấu ✓ vào ô muốn tham gia ứng cử):

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre nhiệm kỳ 2022-2026

Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre nhiệm kỳ 2022-2026

trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày ... tháng ... năm 2022

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký & ghi rõ họ tên)

Đính kèm theo thư ứng cử này:

Sơ yếu lý lịch & bản sao giấy

CMND/CCCD/Hộ chiếu ứng cử viên



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohaicentire.com.vn

PHIẾU ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE NHIỆM KỲ 2022-2026
(Dành cho 01 cổ đông đề cử)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Họ tên cổ đông:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Số ĐKKD:

Cấp ngày: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần

(Bằng chữ: cổ phần)

Chiếm tỷ lệ: % trên vốn điều lệ của Công ty.

Nay tôi đề cử ứng viên vào Hội Đồng Quản Trị/Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2022-2026 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022:

Ông/Bà:

Ngày, tháng, năm sinh:

CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Cấp ngày: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng ... năm 2022

NGƯỜI ĐỀ CỬ

(Ký tên, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Dính kèm theo thư ứng cử này:

Sơ yếu lý lịch & bản sao giấy

CMND/CCCD/Hộ chiếu người được đề cử



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

PHIẾU ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE NHIỆM KỲ 2022-2026
(Dành cho nhóm cổ đông đề cử)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Chúng tôi là các cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (DOHACO), tổng số cổ phần sở hữu tại DOHACO:..... cổ phần
(Bằng chữ: cổ phần)
Chiếm tỷ lệ: % trên vốn điều lệ của Công ty.
Danh sách nhóm cổ đông đề cử như sau:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ CNDKKD	Số cổ phần
1			
2			
...			
Tổng số cổ phần			

Nay chúng tôi đề cử ứng viên vào Hội Đồng Quản Trị/Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2022-2026 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022:

Ông/Bà:
Ngày, tháng, năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu:
Cấp ngày: Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày ... tháng ... năm 2022

NGƯỜI ĐỀ CỬ

(Ký tên, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Đính kèm theo thư ứng cử này:
Sơ yếu lý lịch & bản sao giấy
CMND/CCCD/Hộ chiếu người được đề cử



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm 2022

....., day month year 2022

SƠ YẾU LÝ LỊCH/
CURRICULLUM VITAE

1/ Họ và tên /Full name:.....

2/ Giới tính/Sex:

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4/ Nơi sinh/Place of birth:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.):

- Ngày cấp/Date of issue.....

- Nơi cấp/Place of issue

6/ Quốc tịch/Nationality:

7/ Dân tộc/Ethnic:

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:.....

.....

9/ Số điện thoại/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre/Current position at Dong Hai:

12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in others companies:

.....

13/ Số CP nắm giữ:, chiếm% vốn điều lệ, trong đó:/Number of shares inpossession....., accounting for% of registered capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:/Possesson behalf of (State/strategic investor/other institution):

+ Cá nhân sở hữu/ Possess for own account:

14/ Trình độ chuyên môn/ Qualification:.....

15/ Quá trình công tác/ Working experience:

Thời gian During time	Nơi làm việc Place of work, company	Chức vụ Position

16/ Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có)/*Related interest with company (if any):*

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty (nếu có)/ *Conflict interest with company (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /

DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô AIII, Khu công nghiệp Giàu Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.365222 - 3611222

Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohuesbentre.com.vn

01/BC-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 27 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO TÓM TẮT

- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021, NHIỆM KỲ 2017-2021
- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NHIỆM KỲ 2022-2026 VÀ MỤC TIÊU NĂM 2022

A/ BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

I. BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG

1. Tình hình chung:

Năm 2021, tình hình thế giới diễn biến vô cùng phức tạp. Một năm đầy khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam và Ngành giấy Việt Nam trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch COVID-19. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Ngành giấy Việt Nam vẫn đạt được những kết quả đáng khích lệ trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Làn sóng dịch Covid-19 thứ 4 ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và kinh doanh, cụ thể: Giá nguyên liệu (trong và ngoài nước) tăng cao, các ngành hàng thủy sản, nông sản,... không xuất khẩu được ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ hàng bao bì, phát sinh các chi phí liên quan hoạt động phòng chống dịch Covid-19, nhiều doanh nghiệp phải dừng hoạt động và chi phí vận tải lên cao.

Mặc dù năm 2021 đã qua đi với nhiều khó khăn và thách thức, nhưng đây cũng là năm Ngành Giấy Việt Nam cũng như các doanh nghiệp hội viên Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam đánh dấu mức tăng trưởng vượt bậc trong cả đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Ngành giấy trong nước vẫn có nhiều cơ hội phát triển do các ngành hàng sử dụng nhiều bao bì giấy như: nhóm hàng nông, lâm, thủy sản và nhóm hàng công nghiệp chế biến (dệt may; giày dép; đồ gỗ; điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, phương tiện vận tải và phụ tùng...). Xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc có triển vọng tăng trưởng cao kể cả cầu và giá. Xuất khẩu giấy bao bì và bao bì giấy vào thị trường các nước tham gia các hiệp định thương mại mới như CPTPP, EVFTA sẽ gia tăng mạnh mẽ do được ưu đãi về thuế và tăng trưởng giao dịch thương mại. Việc hạn chế rác thải nhựa, hạn chế sử dụng túi nilong và gia tăng khuyến khích sử dụng bao bì giấy thay thế đang có dấu hiệu phát triển sâu rộng và mạnh mẽ tại Việt Nam vào năm 2021.

2. Hoạt động của Công ty Đông Hải:

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 gặp không ít khó khăn. Công ty phải vừa chống dịch vừa sản xuất kinh doanh dẫn đến phát sinh một số chi phí có liên quan. Giá nguyên vật liệu, chi phí vận tải tăng. Đặc biệt, giá hơi cũng tăng cao (tăng khoảng 50%) do giá khí ga, than trên thế giới tăng. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên và sự ủng hộ của khách hàng, Công ty đã phấn đấu đạt kế

hoạch đề ra. Cuối năm 2021, Công ty đã tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản điều chỉnh tăng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ chia cổ tức.

Công ty con – Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre đã hoàn thành việc lắp đặt máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản và sẽ đi vào hoạt động từ năm 2022.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2021			So sánh KQ năm 2020	
	Kế hoạch	Thực hiện	% so với KH 2021	Kết quả 2020	% 2021/2020
Nhà máy giấy Giao Long – PM1					
SL Sản xuất (tấn)	61.000	68.199	111,8%	60.784	112,2%
SL tiêu thụ (tấn)	55.000	62.981	114,51%	57.420	109,68%
Doanh thu (tỷ đồng)	675	751,6	111,35%	516,3	145,57%
Nhà máy giấy Giao Long – PM2					
SL Sản xuất (tấn)	230.000	260.132	113,1%	234.327	111,01%
SL tiêu thụ (tấn)	218.000	249.478	114,44%	225.582	110,59%
Doanh thu (tỷ đồng)	2.720	2.972,99	109,3%	2.021,98	147,03%
Nhà máy Bao bì					
SL Sản xuất (sp)	43.650.000	47.349.085	108,47%	40.736.763	116,23%
SL tiêu thụ (sp)	43.650.000	47.204.518	108,14%	40.416.678	116,79%
Doanh thu (tỷ đồng)	405	439,58	108,54%	347,5	126,5%
Kết quả kinh doanh					
Doanh thu (tỷ đồng)	3.800	4.164,33	109,59%	2.887,57	144,22%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ)	450	481,3	106,96%	391,9	122,81%

2. Kết quả hoạt động cụ thể

a. Hoạt động sản xuất giấy:

Trong năm 2021, Nhà máy giấy Giao Long hoạt động sản xuất ổn định, đạt kế hoạch năm 2021.

- Thời gian chạy máy trong năm: PM1 là 347,77 ngày đạt 105,4% kế hoạch; PM2 là 343,27 ngày đạt 104% kế hoạch.

- Sử dụng vật tư, nguyên vật liệu không vượt định mức quy định của công ty.

- Trong năm có 01 ý kiến phản hồi của khách hàng bằng văn bản của Ojitem về chất lượng sản phẩm và Nhà máy đã nhanh chóng khắc phục.

- CBCNV Nhà máy đã không ngừng tìm tòi, áp dụng 26 sáng kiến giúp tăng sản lượng, giảm tiêu hao nguyên liệu, điện; tiết kiệm chi phí nguyên liệu, sản xuất khoảng 7,5 tỷ đồng/năm.

b. Hoạt động sản xuất bao bì:

- Năng suất lao động:

+ Giấy carton: 107.369 m²/người/tháng, đạt 103,24% so với kế hoạch.

+ Bao bì carton: 43.242 sản phẩm/người/tháng, đạt 116,87% so với kế hoạch.

- Sử dụng nguyên vật liệu không vượt định mức quy định của công ty.
- Tỷ lệ hao hụt theo định mức từ nguyên liệu đến thành phẩm trong năm là 10,16%, cao hơn định mức là 0,56% do còn đơn hàng nhỏ lẻ, phải chạy không đúng khổ giấy, chất lượng giấy Y không đồng đều nên thường xuyên ngưng máy để đổi giấy mặt.
- Trong năm có 01 ý kiến khiếu nại của khách hàng bằng văn bản. Nhà máy đã nhanh chóng phối hợp với bộ phận bán hàng để làm việc với khách hàng, tìm ra nguyên nhân và khắc phục khiếu nại trên.
- Nhà máy có 03 sáng kiến, cải tiến giúp tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí khoảng 240 triệu đồng/năm.

c. Bộ phận Kinh doanh Giấy:

- Tổng sản lượng xuất bán trong năm là 312.459 tấn. Trong đó, sản lượng xuất bán khách hàng trong nước là 220.290 tấn, sản lượng xuất khẩu là 77.637 tấn, tiêu thụ nội bộ (xuất bán Nhà máy Bao bì) là 14.532 tấn. Doanh thu xuất khẩu trong năm đạt trên 39 triệu USD.
- Về khách hàng: duy trì được 106/114 khách hàng, tương đương 93% khách hàng cũ năm 2021, khai thác được 8 khách hàng mới trong năm.

* Đánh giá: Bộ phận kinh doanh giấy đã phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

d. Bộ phận Kinh doanh Bao bì:

- Khách hàng: Duy trì được 79/80 khách hàng, tương đương 98,75% khách hàng cũ lớn trong năm 2021 và khai thác được 54 khách hàng mới, trong đó có 09 khách hàng lớn, đạt kế hoạch.

- Bộ phận Kinh doanh Bao bì có 02 sáng kiến, cải tiến trong năm về bố trí sắp xếp xe giao hàng và mua nguyên liệu phù hợp, giúp giảm chi phí khoảng 750 triệu đồng/năm.

* Đánh giá: Trong năm 2021, do tình hình Covid kéo dài và diễn biến phức tạp trên toàn thế giới dẫn đến tình hình sản xuất và xuất khẩu hàng hóa của một số doanh nghiệp bị hạn chế, ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất và bán hàng bao bì.

e. Đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản:

Máy móc thiết bị trong năm hoạt động ổn định. Tổng đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản trong năm 2021 là 18,7 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Nhà cửa – Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng (đồng)
Quản lý công ty	62.173.651			269.333.637	331.507.288
NM Giao Long PM1	3.262.456.051	863.280.000		233.636.364	4.359.372.415
NM Giao Long PM2		130.510.000	6.984.344.545	4.620.727.273	11.735.581.818
Nhà máy Bao bì	80.362.182	1.836.941.144	205.000.000	183.700.000	2.306.003.326
Tổng	3.404.991.884	2.830.731.144	7.189.344.545	5.307.397.274	18.732.464.847

f. Tình hình tài chính:

- Nợ phải thu đến 31/12/2021: 665.636.177.329 đồng. Trong đó, Nợ luân chuyển: 649.919.619.839 đồng (giấy cuộn chiếm 87,68%, bao bì chiếm 12,32%), Nợ bán tài sản: 7.312.282.522 đồng.

- Nợ khó đòi phát sinh trong năm 2021: 2.574.164.185 đồng. Thu nợ khó đòi trong năm: 1.471.104.423 đồng.

- Dự nợ vay ngân hàng tại ngày 31/12/2021: 370.769.353.807 đồng.

- Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước, địa phương trong năm 2021 là 66.594.176.694 đồng.

- Khối Tài chính kế toán có 01 sáng kiến cải tiến về giao dịch ngân hàng giúp giảm chi phí lãi vay khoảng 1 tỷ đồng/năm.

g. Tình hình nhân sự:

- Tình hình nhân sự trong năm tương đối ổn định. Tổng nhân sự đến 31/12/2021 là 532 người, giảm 07 người so với năm 2020, chủ yếu là công nhân.

- Thu nhập bình quân năm 2021:

+ Cán bộ lãnh đạo là 30.050.000 đồng/người, tăng khoảng 14,2% so với năm 2020.

+ Nhân viên, công nhân là 12.220.000 đồng/người, tăng khoảng 40,1% so với năm 2020.

- Về đào tạo: Không tổ chức đào tạo bên ngoài trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tuy nhiên, nội bộ công ty vẫn thường xuyên chủ động, duy trì tự đào tạo về Nội quy, An toàn vệ sinh lao động, PCCC, 5S cho CBCNV Công ty.

- Về PCCC, an toàn vệ sinh lao động, môi trường:

+ Duy trì công tác kiểm tra PCCC, đảm bảo không xảy ra cháy nổ.

+ Tăng cường kiểm tra ATVLSĐ, an ninh trật tự trong toàn công ty.

+ Đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Tăng cường công tác kiểm tra và thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh Covid.

- Trong năm, công ty đã ủng hộ công tác xã hội gần 2,9 tỷ đồng, trong đó: Tài trợ Sở y tế tỉnh Bến Tre 20 máy oxy dòng cao tích hợp SPO2 1,58 tỷ đồng, chi ủng hộ hoạt động phòng chống dịch Covid-19 - Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Bến Tre 1 tỷ đồng, hỗ trợ UBND huyện Mô Cày Nam mua dụng cụ học trực tuyến cho học sinh 100 triệu đồng.

- Khối Hành chính nhân sự cùng tổ chức Công Đoàn luôn phối hợp chặt chẽ, quan tâm và chăm lo cho đời sống CBCNV công ty, kịp thời hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, trợ cấp “Mái ấm Đông Hải”, tặng quà Tết nguyên đán cho toàn thể CBCNV công ty,...với tổng số tiền trên 560 triệu đồng.

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NHIỆM KỲ 2017-2021

STT	Kế hoạch 5 năm 2017-2021	Kết quả thực hiện	So sánh Thực hiện/Kế hoạch
Giấy kraft (tấn)	848.800	876.641	103,28%
Bao bì (sản phẩm)	208.500.000	186.027.685	89,22%
Doanh Thu (tỷ đồng)	9.956	10.218,45	102,64%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	816	1.269,96	155,63%

C. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2022-2026 VÀ NĂM 2022

I. Dự báo tình hình

1. Điểm mạnh:

- Công ty Đông Hải chỉ tập trung vào ngành sản xuất xanh, tạo ra những sản phẩm thân thiện với môi trường là giấy và bao bì carton, có định hướng chiến lược kinh doanh ngắn và dài hạn phù hợp định hướng phát triển của ngành, địa phương; nỗ lực đảm bảo kinh tế tuần hoàn.

- Công ty có Nhà máy giấy Giao Long vừa sản xuất giấy công nghiệp bán ra ngoài thị trường vừa là nguồn cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy Bao bì hoạt động.

- Công ty con – Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre hoạt động chính thức từ năm 2022 với công suất lớn, sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

- Thương hiệu Dohaco và giấy Giao Long được khẳng định mạnh mẽ trên thương trường, nằm trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam và đạt thứ 169 trong Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500).

- Có tập thể người lao động đoàn kết tận tụy và tâm huyết với định hướng phát triển Công ty. Cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật từng bước làm chủ được công nghệ. Công tác dự phòng thiết bị, phụ tùng thay thế được chuẩn bị đầy đủ.

- Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, hệ thống quản lý FSC.

- Được sự ủng hộ mạnh mẽ từ các cấp chính quyền và các đối tác.

2. Điểm yếu:

- Nhà máy nằm xa cảng, xa các khách hàng lớn, giá xăng dầu tăng cao nên chi phí vận chuyển cao.

- Công tác khai thác bán hàng thùng carton còn yếu, phụ thuộc nhiều vào khách hàng chế biến thủy sản nên tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đến các ngành này dẫn đến tình hình hàng hóa bao bì của công ty giảm đáng kể.

3. Cơ hội:

- Ngành giấy bao bì trong nước sẽ có nhiều cơ hội phát triển, tiêu dùng trong nước dự báo tăng trưởng trở lại mạnh mẽ trên 10%/năm, xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á có triển vọng tăng trưởng cao kể cả cầu và giá.

- Nhiều nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam làm gia tăng các ngành công nghiệp sử dụng nhiều bao bì như da giày, dệt may, thủy sản,... tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu.

- Nhu cầu sử dụng giấy bao bì tăng cao do sự phát triển mạnh mẽ của ngành thương mại điện tử.

- Hai mặt hàng kinh doanh chiến lược (giấy và sản phẩm bao bì carton) của công ty phù hợp với xu thế thời đại và có triển vọng nhảy vọt liên tục trong những năm tiếp theo.

- Công ty nằm ở khu vực miền Tây Nam Bộ: đây là trọng tâm phát triển các ngành nông, lâm, thủy hải sản, lương thực, trái cây có nhu cầu sử dụng bao bì nhiều.

4. Thách thức:

- Giá nhiên liệu (than đá, khí đốt), nguyên vật liệu tăng cao do ảnh hưởng từ chiến tranh Nga – Ukraine.

- Nhiều dự án mở rộng công suất của các doanh nghiệp cùng ngành dự báo sẽ là giai đoạn cạnh tranh gay gắt trong thời gian tới.

- Tình trạng thiếu hụt giấy OCC dần gia tăng dẫn đến việc các doanh nghiệp trong nước tranh giành thu mua nguồn giấy phế liệu nội địa để duy trì sản xuất, gây khó khăn trong công tác chuẩn bị thu mua nguyên liệu cho sản xuất.

- Nhiều văn bản pháp luật mới được ban hành, Công ty luôn thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực sản xuất và các lĩnh vực liên quan khác để kịp thời có những chiến lược đúng đắn trong từng thời kỳ.

- Tình hình dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp ảnh hưởng giá nguyên liệu đầu vào (giấy thu hồi) và chi phí vận tải lên cao.

II. Tóm tắt Kế hoạch Sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2022-2026:

1. Định hướng chiến lược:

1.1. Kế hoạch 5 năm 2022-2026:

- Ổn định sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm của Nhà máy Giấy Giao Long PM1, PM2, Nhà máy Bao bì số 2 và Nhà máy Bao bì số 1 (trực thuộc Công ty TNHH MTV Bao bì Bến Tre).

- Triển khai đầu tư Công ty cổ phần sản xuất giấy bao bì công suất 1.200 tấn/ngày với vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng và vốn đầu tư dự kiến là 1.800 tỷ đồng.

- Triển khai thực hiện Dự án Nhà máy Bao bì số 3 – Công ty Cổ phần Bao bì Đồng Hải với vốn điều lệ 250 tỷ đồng.

1.2. Kế hoạch trung hạn 2026-2030:

Đầu tư thêm 01 Nhà máy sản xuất giấy kraft và 01 Nhà máy sản xuất bao bì carton.

2. Mục tiêu sản xuất kinh doanh 05 năm 2022-2026:

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	2026	Tổng
Sản lượng giấy sản xuất (tấn)	304.000	304.000	304.000	304.000	535.000 (*)	1.751.000
Sản lượng bao bì sản xuất (sản phẩm)	56.950.000	74.632.500	80.526.000	88.938.600 (**)	98.797.000	399.844.100
Tổng Doanh thu (tỷ đồng)	3.900	4.080	4.140	4.213	6.692	23.025
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	515	565	630	680	930	3.320
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	450	495	550	600	810	2.905
Cổ tức	Từ 30%/vốn điều lệ trở lên				Từ 35%/vốn điều lệ trở lên	

(*) Bao gồm sản lượng của Công ty Cổ phần giấy mới (Máy 3)

(**) Bao gồm sản lượng của Công ty Cổ phần Bao Bì Đồng Hải từ năm 2025

III. Tóm tắt Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2022:

1. Mục tiêu năm 2022:

Chỉ tiêu	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Doanh thu (tỷ đồng)
Nhà máy Giao Long – PM1 (tấn)	64.000	58.000	690
Nhà máy Giao Long – PM2 (tấn)	240.000	228.000	2.720
Nhà máy Bao bì (sản phẩm)	43.650.000	43.650.000	390
Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre (sản phẩm) (*)	13.300.000	13.180.000	100
Tổng Doanh thu		3.900 tỷ đồng	
Lợi nhuận trước thuế		515 tỷ đồng	
Lợi nhuận sau thuế (**)		450 tỷ đồng	

(*) Công ty con – Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre vận hành thử nghiệm từ tháng 01/2022. Công ty sẽ hoàn thành việc xây dựng cơ bản, đầu tư máy móc, tuyển dụng đội ngũ nhân sự đầy đủ để đi vào hoạt động chính thức từ tháng 04/2022.

(**) Nhà máy giấy Giao Long – PM2 đã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm 2020 và 2021. Từ năm 2022 đến năm 2025, Nhà máy giấy Giao Long – PM2 sẽ đóng 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, công ty vẫn duy trì kế hoạch lợi nhuận trước thuế tương đương năm 2021 (lợi nhuận trước thuế 2021: 511,6 tỷ đồng).

2. Các giải pháp trọng tâm thực hiện kế hoạch mục tiêu năm 2022:

2.1. Thị trường, khách hàng tiêu thụ và cung ứng:

* Đối với giấy cuộn:

- Tiếp tục tìm kiếm và khai thác khách hàng mới. Bán hàng gắn liền với thu hồi công nợ, không làm phát sinh nợ khó đòi, nợ xấu.

- Tăng cường phát triển thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu.

* Đối với bao bì:

- Tăng cường khai thác và đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ các ngành hàng: thủy sản, sản xuất chế biến từ dừa, rau quả trái cây, thiết bị may mặc điện tử,... của các khách hàng ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

- Phối hợp cùng với nhà máy thường xuyên trao đổi, chia sẻ nhu cầu, chất lượng sản phẩm để đáp ứng tốt yêu cầu khách hàng.

- Bán hàng kết hợp với thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ khó đòi.

- Tuyển dụng thêm nhân viên bán hàng để mở rộng thị trường.

* Đối với cung ứng:

- Tập trung công tác thu mua giấy phế liệu, các nguyên liệu cho Nhà máy, đảm bảo hoạt động ổn định, kết hợp với nhà máy để mua nguyên liệu giấy phù hợp.

- Nắm bắt thông tin thị trường của các nguyên liệu để có sự chủ động và mua hàng với giá cả hợp lý.

2.2. Công tác sản xuất:

- Tăng cường chất lượng sản phẩm, tránh khiếu nại, phản hồi từ khách hàng.
- Nâng tỷ trọng và chất lượng sản xuất giấy testliner.
- Lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị hợp lý, đảm bảo vận hành sản xuất thông suốt, đạt sản lượng kế hoạch.
- Xây dựng kiểm soát định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất hợp lý.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm xuyên suốt trong quá trình sản xuất, đồng thời kiểm soát và phòng ngừa sản phẩm sai hỏng lớn xảy ra, khống chế định mức chi phí sản xuất hợp lý an toàn theo quy định.
- Xây dựng phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng hạ giá thành sản phẩm.

2.3. Kế hoạch đầu tư – xây dựng

- Đầu tư máy móc thiết bị - xây dựng cơ bản bổ sung cho Nhà máy hiện tại:
 - + Mua thiết bị dự phòng hệ thống bột, máy xeo của PM1 và PM2: 70 tỷ đồng.
 - + Mua xe xúc, xe nâng với tổng giá trị khoảng 9 tỷ đồng.
 - + Làm Mái che nguyên liệu: 4 tỷ đồng.
- Triển khai đầu tư xây dựng Nhà máy giấy (Máy 3): Thuê đất, hoàn thiện hồ sơ pháp lý (Giấy phép đầu tư, Báo cáo Đánh giá tác động môi trường), Máy móc thiết bị, chuẩn bị công tác tài chính, chuẩn bị công tác thị trường.

2.4. Kế hoạch tài chính:

- Xây dựng kế hoạch tài chính năm 2022.
- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, giảm thiểu ngăn ngừa phát sinh nợ xấu, thu hồi công nợ đảm bảo theo kế hoạch.
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán hoàn thành báo cáo tài chính năm 2021.
- Chuẩn bị nguồn để tiến hành chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông.
- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để đầu tư Nhà máy giấy mới.

2.5. Tổ chức - nhân sự:

- Lên kế hoạch và triển khai tuyển dụng và đào tạo năm 2022.
- Tăng cường công tác bảo vệ, kiểm soát việc xe ra vào cổng, tăng cường công tác phòng chống dịch Covid 19 trong toàn công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra PCCC, An toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động, an toàn hoá chất, vệ sinh 5S trong toàn công ty.

2.6. Các lĩnh vực khác:

- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng - môi trường theo ISO 9001:2015 & 14001:2015 giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và kiểm soát tốt chất lượng và môi trường.
- Duy trì thực hiện vệ sinh 5S, tăng cường công tác kiểm soát môi trường xuyên suốt đảm bảo an toàn bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất.
- Tăng cường công tác an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy an toàn, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động trong toàn công ty.
- Quan tâm hỗ trợ công tác xã hội, từ thiện, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong công ty.

Trên đây là Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc công ty năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021 và kế hoạch kinh doanh nhiệm kỳ 2022-2026, năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến các nội dung báo cáo cũng như những phương hướng mục tiêu trên.

Trân trọng!

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC
(đã ký)

LÊ BÁ PHƯƠNG

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 19 ngày 7 tháng 9 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch
Ông Lê Bá Phương	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên
Ông Marco Marinelly	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên
Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Bá Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Bá Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61519127/22631373-FN/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

ƯU
RÁC
RN
T.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1



Đinh Anh Thư
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4635-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

081
CÔNG
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
ERNST &
YOUNG
VIỆT
NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.170.473.262.002	1.104.660.314.544
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	98.169.465.231	202.090.986.015
111	1. Tiền		58.169.465.231	92.090.986.015
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	110.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		44.057.024.062	9.012.854.795
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	44.057.024.062	9.012.854.795
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		666.640.320.157	563.827.639.939
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	662.711.851.543	528.621.938.967
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	11.196.292.903	39.381.158.252
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		266.410.498	2.988.264.967
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(7.534.234.787)	(7.163.722.247)
140	IV. Hàng tồn kho		319.899.570.440	314.660.752.705
141	1. Hàng tồn kho	9	319.899.570.440	314.660.752.705
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		41.706.882.112	15.068.081.090
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	4.348.622.483	13.787.430.547
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		37.358.259.629	1.280.650.543
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.230.793.805.534	1.179.668.702.752
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.870.638.109	8.296.563.622
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7	2.870.638.109	7.796.563.622
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	500.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.051.534.780.585	1.135.508.658.285
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.051.206.736.310	1.135.232.128.610
222	Nguyên giá		1.513.724.218.635	1.496.759.041.299
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(462.517.482.325)	(361.526.912.689)
227	2. Tài sản cố định vô hình		328.044.275	276.529.675
228	Nguyên giá		894.334.250	759.334.250
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(566.289.975)	(482.804.575)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		155.573.306.941	18.342.150.678
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	155.573.306.941	18.342.150.678
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		4.966.796.824	4.531.631.286
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	4.966.796.824	4.531.631.286
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.848.283.075	12.989.698.881
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	15.737.906.752	12.989.698.881
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		110.376.323	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.401.267.067.536	2.284.329.017.296

H C H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		704.171.341.216	889.384.700.833
310	I. Nợ ngắn hạn		704.171.341.216	744.384.700.833
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	305.301.684.878	408.814.919.189
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		821.102.852	2.110.769.973
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.865.398.942	14.752.240.513
314	4. Phải trả người lao động		20.775.298.271	17.988.892.031
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	975.359.409	7.803.334.674
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		109.090.909	109.090.909
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.340.293.983	2.623.698.422
320	8. Vay ngắn hạn	18	370.769.353.807	290.181.755.122
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		213.758.165	-
330	II. Nợ dài hạn		-	145.000.000.000
338	1. Vay dài hạn	18	-	145.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.697.095.726.320	1.394.944.316.463
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.697.095.726.320	1.394.944.316.463
411	1. Vốn cổ phần		699.944.230.000	559.957.830.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		699.944.230.000	559.957.830.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		235.247.935.803	235.247.935.803
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		58.837.320.462	39.241.141.068
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		703.066.240.055	560.497.409.592
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		249.723.900.940	168.573.821.706
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		453.342.339.115	391.923.587.886
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.401.267.067.536	2.284.329.017.296


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng


Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	4.164.826.385.369	2.887.713.712.689
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(495.850.816)	(143.188.500)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	4.164.330.534.553	2.887.570.524.189
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	21	(3.491.679.314.664)	(2.339.353.334.338)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		672.651.219.889	548.217.189.851
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	14.732.993.119	9.949.607.631
22	7. Chi phí tài chính	22	(17.141.484.680)	(40.710.822.367)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(15.763.593.086)	(38.736.882.563)
24	8. Phần lãi trong công ty kết	12	435.165.538	1.115.787.433
25	9. Chi phí bán hàng	23	(120.440.937.631)	(87.998.170.475)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(41.692.957.953)	(23.754.855.757)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		508.543.998.282	406.818.736.316
31	12. Thu nhập khác	25	3.119.005.663	3.995.596.254
32	13. Chi phí khác	25	(98.721.417)	(753.786.831)
40	14. Lợi nhuận khác	25	3.020.284.246	3.241.809.423
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		511.564.282.528	410.060.545.739
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(30.334.428.236)	(18.136.957.853)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		110.376.323	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		481.340.230.615	391.923.587.886
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		481.340.230.615	391.923.587.886
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	6.739	5.487
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	6.739	5.487


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng


Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		511.564.282.528	410.060.545.739
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		102.514.672.239	105.221.930.762
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		370.512.540	(1.429.509)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		27.108.380	499.762.600
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.562.151.726)	(1.339.092.659)
06	Chi phí lãi vay	22	15.763.593.086	38.736.882.563
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		627.678.017.047	553.178.599.496
09	Tăng các khoản phải thu		(133.736.961.531)	(165.687.275.649)
10	Tăng hàng tồn kho		(5.238.817.735)	(3.882.394.605)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(115.413.249.850)	171.576.370.257
12	Giảm chi phí trả trước		6.690.600.193	481.317.326
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.268.751.201)	(37.542.000.245)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.393.881.691)	(35.026.674.753)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.987.713.593)	(8.485.321.932)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		317.329.241.639	474.612.619.895
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(155.963.621.110)	(61.429.951.877)
22	Tiền thu thanh lý TSCĐ		122.921.818	3.955.984.755
24	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(35.034.250.796)	-
27	Tiền thu lãi ngân hàng		2.034.213.730	1.957.379.535
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(188.840.736.358)	(55.516.587.587)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	1.993.739.646.269	1.689.935.305.400
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(2.058.152.047.584)	(1.953.522.628.103)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả	19.2	(167.987.349.000)	(109.752.566.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(232.399.750.315)	(373.339.888.703)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(103.911.245.034)	45.756.143.605
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		202.090.986.015	156.334.923.342
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(10.275.750)	(80.932)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	98.169.465.231	202.090.986.015


Phạm Thế Tài
Người lập

Ngày 28 tháng 3 năm 2022


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng


Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 19 ngày 7 tháng 9 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 58/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bia, bao bì từ giấy và nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 532 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 539).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 1 công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre.

Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1301091115 do SKHĐT tỉnh Bến Tre cấp ngày 28 tháng 4 năm 2020. Trụ sở chính tại Lô AIV8, AIV9, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh bao bì carton.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm 100% quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện việc mua sắm và xây dựng tài sản mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong năm theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	181.025.163	94.386.350
Tiền gửi ngân hàng	57.988.440.068	91.996.599.665
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	110.000.000.000
TỔNG CỘNG	98.169.465.231	202.090.986.015

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất là 2,9% mỗi năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm tại các ngân hàng thương mại, và hưởng lãi suất từ 3,7% đến 5,9% một năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Box - Pak Việt Nam	133.873.584.119	55.320.591.810
- Công ty CP Đầu Tư Xuất Nhập Khẩu Quốc Tế Hoàng Long	55.410.818.980	42.258.397.390
- Khác	473.427.448.444	431.042.949.767
TỔNG CỘNG	662.711.851.543	528.621.938.967
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.534.234.787)	(7.163.722.247)
GIÁ TRỊ THUẬN	655.177.616.756	521.458.216.720
Dài hạn		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	1.722.999.982	5.168.999.986
- Công Ty TNHH Vận Tải Trúc Lan Vy	947.145.000	1.473.045.000
- Khác	200.493.127	1.154.518.636
TỔNG CỘNG	2.870.638.109	7.796.563.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.163.722.247)	(7.165.151.756)
Dự phòng trích lập trong năm	(516.867.047)	(165.597.266)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	146.354.507	167.026.775
Số cuối năm	<u>(7.534.234.787)</u>	<u>(7.163.722.247)</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bellmer Gapcon GMBH	5.267.760.335	3.080.665.632
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Trường Thịnh Global	1.372.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thương Mại	-	5.385.600.000
Công Nghệ Dịch Vụ Hùng Duy	-	24.914.892.620
Khác	4.556.532.568	-
TỔNG CỘNG	<u>11.196.292.903</u>	<u>39.381.158.252</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	202.649.321.434	170.801.612.703
Hàng mua đang đi đường	69.783.584.077	118.030.934.411
Thành phẩm	46.630.662.864	25.366.883.251
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	525.512.695	347.013.233
Công cụ, dụng cụ	310.489.370	114.309.107
TỔNG CỘNG	<u>319.899.570.440</u>	<u>314.660.752.705</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.348.622.483	13.787.430.547
Phí bảo hiểm	2.159.505.100	1.977.937.314
Công cụ, dụng cụ	1.689.100.720	6.977.319.780
Chi phí sửa chữa	472.516.663	4.794.771.670
Khác	27.500.000	37.401.783
Dài hạn	15.737.906.752	12.989.698.881
Công cụ, dụng cụ	10.367.721.477	12.900.737.498
Tiền thuế đất trả trước	3.306.452.790	-
Khác	2.063.732.485	88.961.383
TỔNG CỘNG	<u>20.086.529.235</u>	<u>26.777.129.428</u>

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	389.981.573.151	1.055.822.450.217	44.503.734.644	6.257.573.287	193.710.000	1.496.759.041.299
Mua sắm mới	-	2.506.410.000	4.983.000.000	5.172.397.274	-	12.661.807.274
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.404.991.884	324.321.144	2.206.344.545	-	-	5.935.657.573
Thanh lý trong năm	(749.618.511)	(700.902.400)	-	(181.766.600)	-	(1.632.287.511)
Số cuối năm	392.636.946.524	1.057.952.278.961	51.693.079.189	11.248.203.961	193.710.000	1.513.724.218.635
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	14.652.413.604	60.874.629.290	3.858.514.960	1.483.114.275	193.710.000	81.062.382.129
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(82.397.403.117)	(255.787.078.510)	(20.353.045.928)	(2.795.675.134)	(193.710.000)	(361.526.912.689)
Khấu hao trong năm	(22.158.406.239)	(72.958.011.089)	(6.290.851.489)	(1.023.918.022)	-	(102.431.186.839)
Thanh lý trong năm	590.358.309	700.902.400	-	149.356.494	-	1.440.617.203
Số cuối năm	(103.965.451.047)	(328.044.187.199)	(26.643.897.417)	(3.670.236.662)	(193.710.000)	(462.517.482.325)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	307.584.170.034	800.035.371.707	24.150.688.716	3.461.898.153	-	1.135.232.128.610
Số cuối năm	288.671.495.477	729.908.091.762	25.049.181.772	7.577.967.299	-	1.051.206.736.310
Trong đó:						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 18)	25.417.980.315	2.443.170.723	1.531.541.006	-	-	29.392.692.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Nhà máy Bao bì	131.672.602.582	9.672.669.353
Hồ xử lý nguyên liệu - nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2	<u>23.900.704.359</u>	<u>8.669.481.325</u>
TỔNG CỘNG	<u>155.573.306.941</u>	<u>18.342.150.678</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long (*)	26%	<u>4.966.796.824</u>	26%	<u>4.531.631.286</u>
TỔNG CỘNG		<u>4.966.796.824</u>		<u>4.531.631.286</u>

(*) Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long được thành lập theo GCNĐKDN số 13009990134 do SKHĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 12 tháng 8 năm 2015. Công ty có trụ sở chính tại Số 126, Ấp Long Thạnh, Xã Giao Long, Huyện Châu Thành, Bến Tre. Hoạt động chính trong năm hiện tại là cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	VND
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>2.600.000.000</u>
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	1.931.631.286
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	<u>435.165.538</u>
Số cuối năm	<u>2.366.796.824</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>4.531.631.286</u>
Số cuối năm	<u>4.966.796.824</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	305.128.182.878	402.043.539.189
- VIPA Lausanne SA	73.071.164.446	97.033.746.152
- Công ty CP Dịch Vụ Năng Lượng Thành Công	25.371.660.781	7.644.664.208
- Midan Global Limited	19.707.367.318	426.689.379
- America Chung Nam LLC	19.074.037.752	20.816.246.980
- Peute Papierrecycling BV	-	18.800.329.740
- Khác	167.903.952.581	257.321.862.730
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)	173.502.000	6.771.380.000
TỔNG CỘNG	<u>305.301.684.878</u>	<u>408.814.919.189</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.663.750.872	30.334.428.236	(36.393.881.691)	1.604.297.417
Thuế thu nhập cá nhân	251.574.270	13.051.596.185	(13.042.068.930)	261.101.525
Thuế giá trị gia tăng	6.836.915.371	469.823.982.083	(476.660.897.454)	-
Khác	-	933.832.047	(933.832.047)	-
TỔNG CỘNG	<u>14.752.240.513</u>	<u>514.143.838.551</u>	<u>(527.030.680.122)</u>	<u>1.865.398.942</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	494.841.885	1.194.882.318
Chi phí xây dựng nhà máy Giao Long - Giai đoạn II	-	6.556.632.469
Khác	480.517.524	51.819.887
TỔNG CỘNG	<u>975.359.409</u>	<u>7.803.334.674</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng môi giới	2.089.106.251	2.160.767.135
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	480.717.287	447.717.287
Khác	770.470.445	15.214.000
TỔNG CỘNG	<u>3.340.293.983</u>	<u>2.623.698.422</u>

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn	290.181.755.122	1.993.739.646.269	(1.913.152.047.584)	370.769.353.807
Vay ngắn hạn (*)	290.181.755.122	1.993.739.646.269	(1.913.152.047.584)	370.769.353.807
Vay ngắn hạn đến hạn phải trả	-	-	-	-
Vay dài hạn	145.000.000.000	-	(145.000.000.000)	-
Vay ngân hàng	145.000.000.000	-	(145.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	435.181.755.122	1.993.739.646.269	(2.058.152.047.584)	370.769.353.807

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	177.375.249.640	Từ ngày 19 tháng 4 năm 2022 đến ngày 31 tháng 5 năm 2022	3,8 - 4	Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Hồ Chí Minh	136.080.204.057	Từ ngày 26 tháng 5 năm 2022 đến ngày 16 tháng 6 2022	3	Khoản phải thu trị giá ít nhất USD 7.500.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	28.926.164.830	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2022 đến ngày 8 tháng 4 năm 2022	3,8	Khoản phải thu từ Công ty TNHH Vina Sunwoo (Giá trị ước tính là 60.000.000.000 VND)
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	28.387.735.280	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2022 đến ngày 20 tháng 4 năm 2022	3,7	Khoản phải thu trị giá USD 5.000.000
TỔNG CỘNG	370.769.353.807			

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

Năm trước	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	559.957.830.000	235.247.935.803	30.161.760.258	293.784.520.840	1.119.152.046.901
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	391.923.587.886	391.923.587.886
Cổ tức công bố	-	-	-	(109.752.566.000)	(109.752.566.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.079.380.810	(9.079.380.810)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.631.752.324)	(3.631.752.324)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.747.000.000)	(2.747.000.000)
Số cuối năm	559.957.830.000	235.247.935.803	39.241.141.068	560.497.409.592	1.394.944.316.463
Trích quỹ đầu tư phát triển					
Năm nay					
Số đầu năm	559.957.830.000	235.247.935.803	39.241.141.068	560.497.409.592	1.394.944.316.463
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	481.340.230.615	481.340.230.615
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020	139.986.400.000	-	-	(139.986.400.000)	-
Cổ tức trả bằng tiền năm 2020	-	-	-	(139.989.457.500)	(139.989.457.500)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021	-	-	-	(27.997.891.500)	(27.997.891.500)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	19.596.179.394	(19.596.179.394)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.838.471.758)	(7.838.471.758)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.363.000.000)	(3.363.000.000)
Số cuối năm	699.944.230.000	235.247.935.803	58.837.320.462	703.066.240.055	1.697.095.726.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	559.957.830.000	559.957.830.000
Tăng trong năm	139.986.400.000	-
Vốn góp cuối năm	<u>699.944.230.000</u>	<u>559.957.830.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	307.973.749.000	109.752.566.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 (*)	(139.986.400.000)	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	(167.987.349.000)	-
- Cổ tức năm 2020 đã trả bằng tiền (**)	(139.989.457.500)	(109.752.566.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền (**)	(27.997.891.500)	-

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, cổ đông của Công ty đã phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25% và bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 25% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông giá trị lần lượt là 139.989.457.500 VND và 139.986.400.000 VND. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông tăng lên 13.998.640 cổ phiếu từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 và công ty đã hoàn tất việc niêm yết bổ sung vào ngày 1 tháng 9 năm 2021. Việc niêm yết bổ sung này đã được chấp thuận bởi SKHĐT Tỉnh Bến Tre thông qua việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 19 vào ngày 7 tháng 9 năm 2021.

(**) Vào ngày 13 tháng 10 năm 2021, Công ty đã chi tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% trị giá 27.997.891.500 VND theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 22/2021/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 7 năm 2021, phù hợp với phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021.

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	69.994.423	55.995.783
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	69.994.423	55.995.783
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	69.994.423	55.995.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.4 Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	481.340.230.615	391.923.587.886
Trừ: Quý khen thưởng phúc lợi (*)	<u>(9.626.804.612)</u>	<u>(7.838.471.758)</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	471.713.426.003	384.085.116.128
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	69.994.423	55.995.783
Điều chỉnh hồi tố cho việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và tặng vốn	-	13.998.640
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh (cổ phiếu)	<u>69.994.423</u>	<u>69.994.423</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND)	<u>6.739</u>	<u>5.487</u>

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quý khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 6 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quý khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 6 năm 2021.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

19.5 Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 6 năm 2018, Công ty đã chào bán 3.445.977 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nguồn thu ròng từ đợt chào bán trên được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2.

Chi tiết đợt chào bán:

STT	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
2	Loại hình cổ phiếu	Cổ phiếu thường
3	Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phiếu
4	Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	3.445.977 cổ phần
5	Số lượng cổ phiếu đã phân phối	3.445.977 cổ phần
6	Tổng số tiền thu từ việc chào bán cổ phiếu	62.027.586.000 VND
7	Tổng chi phí chào bán	199.158.300 VND
8	Tổng thu ròng từ đợt chào bán	61.828.427.700 VND
9	Ngày bắt đầu chào bán	5 tháng 12 năm 2018
10	Ngày hoàn thành đợt chào bán	16 tháng 1 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tiếp theo)

Tình hình sử dụng vốn:

	VND
<i>Các chi phí liên quan đến dự án</i>	<i>Số tiền</i>
Jiangsu Huadong Paper Machinery Co., Ltd	7.748.074.054
Công Ty TNHH Một Thành Viên Kỹ Thuật Công Nghệ	
Yong Jia Yu Việt Nam	5.242.553.675
Công ty TNHH ABB	4.672.254.000
Andritz Technologies H.K.Limited	4.072.840.000
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng và Công Nghệ	
Môi Trường Dương Nhật	5.279.042.575
Andritz (China) Ltd	2.898.272.320
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Phú An Khang	2.857.503.373
Công ty TNHH Hệ Thống Thiết Bị UMW	2.063.820.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Đại Hùng Cường	1.537.803.336
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sản Xuất Xây Dựng Minh Phát	1.610.707.887
Khác	23.845.556.480
TỔNG CỘNG	<u>61.828.427.700</u>

Theo đó, nguồn thu ròng từ đợt chào bán trên đã được sử dụng hết để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2 với tổng số tiền là 61.828.427.700 VND.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	4.164.826.385.369	2.887.713.712.689
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	4.164.620.544.824	2.885.980.077.653
<i>Doanh thu bán máy móc thiết bị</i>	-	1.690.563.636
<i>Doanh thu khác</i>	205.840.545	43.071.400
Các khoản giảm trừ	(495.850.816)	(143.188.500)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(425.708.116)	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(70.142.700)	(143.188.500)
DOANH THU THUẦN	<u>4.164.330.534.553</u>	<u>2.887.570.524.189</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	4.164.124.694.008	2.885.836.889.153
<i>Doanh thu bán máy móc thiết bị</i>	-	1.690.563.636
<i>Doanh thu khác</i>	205.840.545	43.071.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.121.171.958	7.877.446.848
Lãi tiền gửi	2.195.734.678	1.935.422.200
Khác	416.086.483	136.738.583
TỔNG CỘNG	<u>14.732.993.119</u>	<u>9.949.607.631</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm	3.491.625.407.393	2.337.989.837.585
Giá vốn máy móc thiết bị	-	1.326.000.000
Giá vốn khác	53.907.271	37.496.753
TỔNG CỘNG	<u>3.491.679.314.664</u>	<u>2.339.353.334.338</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.763.593.086	38.736.882.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.377.891.594	1.973.939.804
TỔNG CỘNG	<u>17.141.484.680</u>	<u>40.710.822.367</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	120.440.937.631	87.998.170.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.757.679.348	69.405.698.609
Chi phí nhân viên	17.268.947.521	11.848.311.845
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.278.300.193	2.882.450.384
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.110.309.316	2.370.448.476
Khác	1.025.701.253	1.491.261.161
Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.692.957.953	23.754.855.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.843.278.285	10.203.228.811
Chi phí nhân viên	11.651.361.775	8.148.627.488
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.926.984.494	1.401.659.168
Khác	5.271.333.399	4.001.340.290
TỔNG CỘNG	<u>162.133.895.584</u>	<u>111.753.026.232</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	2.817.570.433.302	1.873.032.645.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	628.514.166.427	521.701.035.962
Chi phí nhân viên	151.518.821.508	103.165.312.021
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	102.514.672.239	105.221.930.762
Khác	22.367.494.633	176.353.900.429
TỔNG CỘNG	<u>3.722.485.588.109</u>	<u>2.779.474.824.536</u>

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.119.005.663	3.995.596.254
Thu tiền bồi thường	3.119.003.282	3.217.963.861
Khác	2.381	777.632.393
Chi phí khác	98.721.417	753.786.831
Lỗ từ thanh lý TSCĐ	68.748.490	596.329.541
Khác	29.972.927	157.457.290
THU NHẬP KHÁC THUẦN	<u>3.020.284.246</u>	<u>3.241.809.423</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Dự án đầu tư mở rộng của Công ty:

- Công ty được miễn ba năm thuế TNDN cho dự án nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 1 kể từ khi có thu nhập tính thuế (2013 - 2015) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tiếp theo (2016 - 2020). Các ưu đãi thuế này được áp dụng cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015; và
- Công ty được miễn hai năm thuế TNDN cho dự án nhà máy giấy Giao Long - Giai đoạn 2 kể từ khi có thu nhập tính thuế (2020 - 2021) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho bốn năm tiếp theo (2022 - 2025).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.334.428.236	18.136.957.853
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(110.376.323)	-
TỔNG CỘNG	<u>30.224.051.913</u>	<u>18.136.957.853</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>511.564.282.528</u>	<u>410.060.545.739</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng:	102.312.856.506	82.012.109.148
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	632.373.766	672.407.444
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(87.033.108)	(223.157.487)
Thuế TNDN được miễn	<u>(72.634.145.251)</u>	<u>(64.324.401.252)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>30.224.051.913</u>	<u>18.136.957.853</u>

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán năm.

27. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	16.734.544.040	26.691.157.500
		và dịch vụ Thuế bãi	2.175.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải trả với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	173.502.000	6.771.380.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Thu nhập</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	1.994.777.156	1.350.345.293
Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc	2.473.464.350	1.700.104.623
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	1.366.873.900	896.066.937
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	342.000.000	188.000.000
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	342.000.000	188.000.000
Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	138.000.000	21.000.000
Ông Nguyễn Phan Dũng	Thành viên HĐQT	75.000.000	167.000.000
Ông Tatsuyuki Ota	Thành viên HĐQT	75.000.000	167.000.000
TỔNG CỘNG		5.155.193.480	4.677.516.853

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG


Nhóm Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.000.906.328	2.407.751.128
Từ 1 đến 5 năm	4.003.625.313	9.631.004.513
Trên 5 năm	12.383.610.961	30.417.490.623
TỔNG CỘNG	17.388.142.602	42.456.246.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng


Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

THH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTREĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Gạo Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 34VCV -CTĐH

Bến Tre, ngày 30 tháng 03 năm 2022

"V/v giải trình KQHĐKD hợp nhất năm 2021"

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán, Công ty CP Đông Hải Bến Tre có lãi 481.340.230.615 đồng, tăng 22,81 % so với năm 2020, nguyên nhân là do :

- Sản lượng sản xuất và bán ra tăng, giá giấy bán ra tăng, giá giấy nguyên liệu và các chi phí đầu vào tăng mạnh do ảnh hưởng của dịch bệnh covid - 19, doanh thu thuần tăng 44,22%, giá vốn hàng bán tăng 49,26%.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 48,08%, chủ yếu là lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán tiền nguyên liệu nhập khẩu cho Nhà cung cấp.

- Chi phí tài chính giảm 57,89%, trong đó chi phí lãi vay giảm 59,31%, chủ yếu là do công ty đã trả hết các khoản nợ vay trung hạn và lãi suất vay ngắn hạn giảm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 75,51% , chủ yếu do tăng các khoản thuê ngoài phục vụ cho công tác quản lý, chi phí ba tại chỗ, khoản ủng hộ, tài trợ cho hoạt động phòng chống dịch Covid - 19.

Chi tiết :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020	So Sánh	
					Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	Đồng	4.164.330.534.553	2.887.570.524.189	1.276.760.010.364	44,22
2	Giá vốn hàng bán	Đồng	3.491.679.314.664	2.339.353.334.338	1.152.325.980.326	49,26
3	Doanh thu hoạt động TC	Đồng	14.732.993.119	9.949.607.631	4.783.385.488	48,08
4	Chi phí tài chính	Đồng	17.141.484.680	40.710.822.367	(23.569.337.687)	(57,89)
	Chi phí lãi vay	Đồng	15.763.593.086	38.736.882.563	(22.973.289.477)	(59,31)
5	Phần lãi trong công ty liên kết	Đồng	435.165.538	1.115.787.433	(680.621.895)	(61,00)
6	Chi phí bán hàng	Đồng	120.440.937.631	87.998.170.475	32.442.767.156	36,87
7	Chi phí QLDN	Đồng	41.692.957.953	23.754.855.757	17.938.102.196	75,51
8	Thu nhập khác	Đồng	3.119.005.663	3.995.596.254	(876.590.591)	(21,94)
9	Chi phí khác	Đồng	98.721.417	753.786.831	(655.065.414)	(86,90)
10	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Đồng	30.334.428.236	18.136.957.853	12.197.470.383	67,25
11	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Đồng	(110.376.323)	0	(110.376.323)	
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	481.340.230.615	391.923.587.886	89.416.642.729	22,81

Công ty CP Đông Hải Bến Tre xin báo cáo giải trình đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM được rõ.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE**TỔNG GIÁM ĐỐC**
ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Lê Bá Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô AIII, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohaibentre.com.vn

Số: 02/BC-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 27 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN CỦA
ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU
(Triển khai chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018, từ ngày 09/11/2018 đến ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đã thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Giao Long giai đoạn II và đã hoàn tất việc chào bán 3.445.977 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre xin báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ ngày 09/11/2018 đến ngày 31/12/2021 như sau:

I./ Chi tiết đợt chào bán:

- Tổng số tiền thu được từ bán cổ phiếu: 62.027.586.000 đồng
- Tổng chi phí của đợt phát hành : 199.158.300 đồng
- Tổng tiền thu ròng từ đợt phát hành : 61.828.427.700 đồng

II./ Tình hình sử dụng tiền thu được:

- Đầu tư vào Nhà máy Giao Long giai đoạn II: 61.828.427.700 đồng
- Số tiền còn lại: 0 đồng

Như vậy: tính đến thời điểm 31/12/2021, công ty đã sử dụng hết số vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo đúng như phương án được phê duyệt.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô AIII, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.3470655 - 2611666 * Fax: 075.3635212 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 03/BC-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 27 tháng 05 năm 2022

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2021, NHIỆM KỲ 2017-2021
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2022-2026, NĂM 2022**

**A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021, NHIỆM KỲ
2017-2021**

I. Đánh giá tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Tình hình hoạt động

- Hội đồng quản trị hoạt động tuân thủ đúng quy định pháp luật, điều lệ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện chức trách nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động hiện hành.

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã triệu tập và tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 21/06/2021, Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 16/12/2021 nhằm thông qua báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020, kế hoạch năm 2021 và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền.

- Về nhân sự: Hội đồng quản trị của Công ty có 05 người: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên.

2. Kết quả đạt được

- Mặc dù trong năm 2021 tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn: tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ở Việt Nam và trên toàn thế giới,... nhưng Hội đồng quản trị cũng như tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre tư tưởng ổn định, cố gắng vượt qua những khó khăn, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ.

Kết quả kinh doanh cụ thể:

+ Doanh thu thuần: 4.164,33 tỷ đồng, đạt 109,59% kế hoạch năm 2021 và đạt 144,22% so với năm 2020.

+ Lợi nhuận sau thuế: 481,3 tỷ đồng, đạt 106,96% kế hoạch năm 2021 và đạt 122,81% so với năm 2020.

II. Tổng kết các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

HĐQT họp định kỳ hàng quý và có một số cuộc họp cần thiết khác nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu triển khai thực hiện các kế hoạch của công ty. Cụ thể, trong năm 2021, Hội đồng

quản trị tổ chức 16 kỳ họp HĐQT, ban hành 31 nghị quyết xoay quanh các lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất của công ty, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh các quý và cả năm, thông các nội dung họp Đại hội cổ đông thường niên, chi cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông, vay vốn ngân hàng để bổ sung vốn lưu động cho công ty,...

2. Các Nghị quyết HĐQT năm 2021

Theo Bảng tổng hợp chi tiết các Nghị quyết năm 2021 đính kèm.

3. Quan hệ cổ đông

- Công ty báo cáo và công bố thông tin kịp thời các hoạt động của công ty đến cổ đông theo qui định.

- Vào tháng 01/2021, Công ty đã thực hiện chi tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ tạm ứng cổ tức 20%/cổ phiếu.

- Từ ngày 12/07/2021 đến ngày 24/08/2021, Công ty đã thực hiện phát hành 13.998.640 cổ phiếu, tương đương 25% vốn điều lệ để chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2020.

- Vào tháng 10/2021, Công ty chi trả cổ tức đợt cuối năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5%/cổ phiếu và tạm ứng cổ tức năm 2021 cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ tạm ứng cổ tức 5%/cổ phiếu.

III. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2021:

Tổng thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2021 là 790.000.000 đồng. Đồng thời, do kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt được kế hoạch đề ra, Hội đồng quản trị đã thống nhất chi thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành công ty với tổng số tiền là 3.597.000.000 đồng.

Thù lao, tiền thưởng của từng Thành viên Hội đồng quản trị và lương, thưởng của thành viên Hội đồng quản trị điều hành, cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao HĐQT 2021	Tiền thưởng HĐQT 2021	Tổng lương 2021	Thưởng Ban điều hành 2021
01	Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	144.000.000	200.000.000	1.055.030.551	216.000.000
02	Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc	117.000.000	190.000.000	1.362.717.081	150.000.000
03	Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên Hội đồng quản trị	99.000.000	150.000.000		
04	Lê Quang Hiệp	Thành viên Hội đồng quản trị	99.000.000	150.000.000		
05	Marco Martinelli	Thành viên Hội đồng quản trị	99.000.000	150.000.000		

IV. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ông Marco Martinelli. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp, cho ý kiến biểu quyết về các vấn đề đưa ra và các đề xuất, kiến nghị để Công ty phát triển trong thời gian tới.

Đánh giá: Hoạt động của Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định pháp luật, điều lệ và đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

V. Kết quả giám sát đối của HĐQT với Tổng Giám Đốc và người điều hành khác:

Thực hiện vai trò giám sát, Hội đồng quản trị xác định công ty thực hiện đúng định hướng, đúng kế hoạch, phù hợp các quan điểm chủ trương của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực hoạt động.

Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc công ty và các cán bộ điều hành chấp hành tốt pháp luật, điều lệ, các nghị quyết, các quy chế quản trị...trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn và tài sản, phát triển thị trường,... Ban Tổng Giám đốc nêu cao tinh thần trách nhiệm, tâm quyết công việc được giao, nhiều nỗ lực cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn.

Trong năm, Tổng Giám Đốc công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm điều hành, báo cáo, công bố thông tin về các hoạt động của công ty một cách minh bạch, đầy đủ.

VI. Các vấn đề khác:

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty Đông Hải nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: Không có.

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có.

3. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị: Hiện tại công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

B. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017-2021

I. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

- Ngày 20/05/2017 ĐHĐCD thường niên 2017 đã tiến hành bầu HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre nhiệm kỳ 2017-2021 với 06 thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Bá Phương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lương Văn Thành	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT
4	Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Phan Dũng	Thành viên HĐQT
6	Ông Tatsuyuki Ota	Thành viên HĐQT

- Ngày 26/06/2020 bầu bổ sung Ông Marco Martinelli vào HĐQT Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 19/NQ-HĐQT ngày 28/07/2020:

- ✓ Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT của Ông Lê Bá Phương và chức danh Phó Chủ tịch HĐQT của Ông Lương Văn Thành.
- ✓ Bầu Ông Lương Văn Thành – giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, Ông Lê Bá Phương – giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/08/2020.

- Ngày 10/12/2020 miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Ông Nguyễn Phan Dũng và Ông Tatsuyuki Ota theo đơn từ nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020. Như vậy, số lượng thành viên HĐQT còn lại là 5 người.

- Danh sách 5 thành viên HĐQT hiện tại như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT
4	Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT
5	Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT độc lập

II. Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

- Nhiệm kỳ 2017-2021, Hội đồng quản trị đã triệu tập và tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên, bất thường nhằm thông qua báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm, kế hoạch năm và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền, cụ thể như sau:

STT	Ngày tổ chức	Nội dung
1	20/05/2017	Đại hội cổ đông thường niên năm 2017
2	07/06/2018	Đại hội cổ đông thường niên năm 2018
3	24/05/2019	Đại hội cổ đông thường niên năm 2019
4	26/06/2020	Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
5	10/12/2020	Đại hội cổ đông bất thường năm 2020
6	21/06/2021	Đại hội cổ đông thường niên năm 2021
7	16/12/2021	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2021

- Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã có 61 phiên họp, ban hành 216 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Hầu hết các Thành viên HĐQT đều tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, trường hợp vắng mặt đều có lý do chính đáng và có ủy quyền bằng văn bản. Việc tổ chức các phiên họp của HĐQT đảm bảo được thực hiện theo

đúng quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp. Chất lượng các cuộc họp của HĐQT ngày càng được nâng cao.

- Thông qua các cuộc họp, HĐQT đánh giá sơ kết, phân tích tình hình hoạt động của công ty những mặt tích cực và hạn chế, qua đó kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ.

- Từng thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức trách và nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả hoạt động chung của HĐQT; thực hiện đầy đủ các nội dung tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền; thảo luận và biểu quyết thông qua đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và chịu trách nhiệm với các quyết định của mình.

- Các Biên bản, Nghị quyết của HĐQT đều dựa trên sự trao đổi, thống nhất của các thành viên, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như các bên liên quan.

III. Kết quả hoạt động kinh doanh nhiệm kỳ 2017-2021:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

STT	Kế hoạch 5 năm 2017-2021	Kết quả thực hiện	So sánh Thực hiện/Kế hoạch
Giấy kraft (tấn)	848.800	876.641	103,28%
Bao bì (sản phẩm)	208.500.000	186.027.685	89,22%
Doanh Thu (tỷ đồng)	9.956	10.218,45	102,64%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	816	1.269,96	155,63%

Ban Điều hành đã rất nỗ lực để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao; chủ động triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT theo đúng định hướng phát triển và tầm nhìn của Công ty, hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thị trường.

2. Tỷ lệ chia cổ tức qua các năm

Chỉ tiêu		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tỷ lệ cổ tức (%VDL)	Bằng tiền mặt	/	/	20	25	25
	Bằng cổ phiếu	20	20	/	25	25

* **Quá trình tăng vốn:** Tăng từ 255.846.030.000 đồng (tại thời điểm 01/01/2017) lên 699.944.230.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2021) thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức

chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ lãnh đạo, điều hành trong công ty, cụ thể như sau:

Năm	Nội dung	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	Giá
2017	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016	10% vốn điều lệ	2.558.246	
	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	5:1	5.116.920	18.000 đồng/cổ phiếu
	Phát hành cổ phiếu cho người lao động	4,69%	1.200.000	18.000 đồng/cổ phiếu
2018	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017	20% vốn điều lệ	6.891.780	
	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	10:1	3.445.977	18.000 đồng/cổ phiếu
2019	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018	20% vốn điều lệ	8.959.257	
	Phát hành cổ phiếu cho người lao động	4,998%	2.239.000	
2021	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020	25% vốn điều lệ	13.998.640	

IV. Kết quả đầu tư và thực hiện các dự án

1. Đầu tư xây dựng Nhà máy giấy Giao Long – Giai đoạn 2: 1.156 tỷ đồng

- Triển khai xây dựng: Tháng 10/2015
- Thời gian hoạt động chính thức: Tháng 09/2019

2. Góp vốn đầu tư Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre: 150 tỉ đồng

- Xây dựng nhà máy: Từ 08/2019 đến 12/2021.
- Chạy thử nghiệm: Tháng 01/2022.
- Thời gian hoạt động chính thức: Tháng 04/2022.

C. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2017-2022, NĂM 2022

I. Phương hướng hoạt động của HĐQT

- HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông công ty.

- HĐQT lãnh đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành, tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT đã đề ra.

- HĐQT sẽ tiếp tục hoàn thiện các hoạt động quản trị công ty. Theo đó, HĐQT sẽ đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo hướng chặt chẽ hơn, nhằm tăng cường vai trò và trách nhiệm của các thành viên.

- Tiếp tục phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.

II. Kế hoạch kinh doanh nhiệm kỳ 2022-2026

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	2026	Tổng
Sản lượng giấy sản xuất (tấn)	304.000	304.000	304.000	304.000	535.000 (*)	1.751.000
Sản lượng bao bì sản xuất (sản phẩm)	56.950.000	74.632.500	80.526.000	88.938.600 (**)	98.797.000	399.844.100
Tổng Doanh thu (tỷ đồng)	3.900	4.080	4.140	4.213	6.692	23.025
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	515	565	630	680	930	3.320
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	450	495	550	600	810	2.905
Cổ tức	Từ 30%/vốn điều lệ trở lên				Từ 35%/vốn điều lệ trở lên	

(*) Bao gồm sản lượng của Công ty Cổ phần giấy mới (Máy 3)

(**) Bao gồm sản lượng của Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Hải từ năm 2025

III. Kế hoạch kinh doanh năm 2022 cụ thể

Chỉ tiêu	Sản lượng sản xuất (tấn)	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Doanh thu (tỷ đồng)
Nhà máy Giao Long – PM1	64.000	58.000	690
Nhà máy Giao Long – PM2	240.000	228.000	2.720
Nhà máy Bao bì	43.650.000	43.650.000	390
Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre (*)	13.300.000	13.180.000	100
Tổng Doanh thu	3.900 tỷ đồng		
Lợi nhuận trước thuế	515 tỷ đồng		
Lợi nhuận sau thuế (**)	450 tỷ đồng		

* Kế hoạch chia cổ tức: Chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu hoặc/và tiền mặt: từ 30%/vốn điều lệ.

Trên đây là Báo cáo đánh giá hoạt động HĐQT năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021 và kế hoạch kinh doanh nhiệm kỳ 2022-2026, năm 2022 của HĐQT công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

ĐÔNG HẢI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lê Văn III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222

Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

(Đính kèm Báo cáo số 03/BC-DHDCD Báo cáo của HĐQT năm 2021)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT	18/01/2022	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4/ 2021, năm 2021 và mục tiêu kế hoạch quý 1 năm 2022.
02	02/NQ-HĐQT	18/01/2022	- Thống nhất chủ trương ký hợp đồng với Công ty Cổ Phần Tân Cảng Giao Long.
03	03/NQ-HĐQT	20/01/2021	- Thống nhất vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh TP.HCM.
04	04/NQ-HĐQT	20/01/2021	- Thống nhất phê duyệt Tờ Trình 01/TT-HĐQT ngày 02/01/2021 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/01/2021.
05	05/NQ-HĐQT	20/01/2021	- Thống nhất phê duyệt đề nghị chi khen thưởng CBCNV có sáng kiến và cải tiến mang lại hiệu quả cho Công ty.
06	06/NQ-HĐQT	20/01/2021	- Thống nhất phê duyệt danh sách chi thưởng Ban Điều Hành Công ty. - Thống nhất phê duyệt danh sách chi thưởng HĐQT và BKS.
07	07/NQ-HĐQT	29/03/2021	- Thống nhất vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam.
08	08/NQ-HĐQT	29/03/2021	- Thống nhất phê duyệt Tờ trình 02/TT-HĐQT ngày 29/03/2021 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/04/2021.
09	09/NQ-HĐQT	28/04/2021	- Thống nhất gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông 2021 chậm nhất là ngày 30/06/2021.

10	10/NQ-HDQT	06/05/2021	- Thống nhất việc góp thêm vốn vào Công ty con – Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.
11	11/NQ-HDQT	06/05/2021	- Thống nhất kế hoạch tổ chức Đại Hội Cổ Đông Thường Niên năm 2021.
12	12/NQ-HDQT	06/05/2021	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 01/2021 và mục tiêu kế hoạch quý 2 năm 2021.
13	13/NQ-HDQT	20/05/2021	- Thống nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.
14	14/NQ-HDQT	31/05/2021	- Thống nhất kế hoạch tổ chức Đại Hội Cổ Đông Thường Niên năm 2021.
15	15/NQ-HDQT	31/05/2021	- Thông qua nội dung trình Đại Hội Cổ Đông Thường Niên năm 2021.
16	16/NQ-HDQT	21/06/2021	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
17	17/NQ-HDQT	21/06/2021	- Thông qua vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang.
18	18/NQ-HDQT	25/06/2021	- Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và triển khai thực hiện phương án phát hành.
19	19/NQ-HDQT	01/07/2021	- Thông qua việc góp thêm vốn vào Công ty con – Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.
20	20/NQ-HDQT	01/07/2021	- Thông qua chủ trương ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.
21	21/NQ-HDQT	12/07/2021	- Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nhận cổ tức năm 2020.
22	22/NQ-HDQT	12/07/2021	- Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nhận tạm ứng cổ tức năm 2021.
23	23/NQ-HDQT	01/08/2021	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 02/2021 và mục tiêu kế hoạch quý 3/2021.

24	24/NQ-HĐQT	01/08/2021	- Thống nhất phê duyệt Tờ trình 05/TT-HĐQT ngày 01/08/2021 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/08/2021.
25	25/NQ-HĐQT	24/08/2021	- Đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty.
26	26/NQ-HĐQT	11/11/2021	- Ban hành Quy chế công bố thông tin.
27	27/NQ-HĐQT	11/11/2021	- Thống nhất việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
28	28/NQ-HĐQT	11/11/2021	- Thống nhất vay vốn tại Ngân hàng The Siam Commercial Bank – Chi nhánh TP.HCM.
29	29/NQ-HĐQT	11/11/2021	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/2021 và mục tiêu kế hoạch quý 4/2021.
30	30/NQ-HĐQT	24/11/2021	- Thống nhất nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.
31	31/NQ-HĐQT	21/12/2021	- Ban hành Điều lệ công ty sửa đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A/B1, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 - Fax: 075.2634212 - 3611222
Email: donghaibentre@cahaco.com - Website: www.donghaibentre.com.vn

Số: 01/BC-BKS/2022

Bến Tre, ngày 27 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2021 VÀ NHIỆM KỲ 2017-2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát (BKS) xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHDCĐ) kết quả kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và nhiệm kỳ 2017-2021 với một số nội dung như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp chính thức để giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, báo cáo của Ban kiểm soát chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên. Kế hoạch làm việc kiểm kê 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm, kiểm kê TSCĐ.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong năm 2021, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng, năm của Công ty; Báo cáo Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thù lao, thưởng Ban Kiểm soát năm 2021 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chi phí hoạt động không có chi phí riêng, cụ thể:

+ Bà Đoàn Thị Bích Thúy – Trưởng ban: 87.000.000 đồng.

+ Bà Đoàn Hồng Lan – Thành viên: 66.000.000 đồng.

+ Ông Lê Hoàng Phong – Thành viên: 66.000.000 đồng.

II. Giám sát hoạt động quản lý, điều hành công ty:

1. Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo đúng quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- HĐQT đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2021 HĐQT đã tổ chức 16 cuộc họp và ban hành 31 nghị quyết.

- HĐQT thực hiện chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phối hợp cùng với Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) và bộ máy quản lý:

- Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) cùng Ban quản lý Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Về công tác tổ chức nhân sự: Ban điều hành đã chỉ đạo tiến hành sắp xếp, tuyển dụng và bồi dưỡng nhân sự phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh tại Công ty.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các cổ đông:

- Thường xuyên trao đổi với HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) về tình hình sản xuất, tình hình kinh doanh, tình hình về biến động và tuyển dụng nhân sự quản lý.

- Tham gia kiểm kê định kỳ tồn kho 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm, kiểm kê TSCĐ.

- Kiểm tra ghi chép hạch toán kế toán; Kiểm tra sổ sách, báo cáo tài chính; Kiểm tra chi phí hoạt động và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021. Rà soát báo cáo kiểm toán soát xét bán niên và báo cáo tài chính năm 2021.

- Các khuyến nghị, đề xuất của BKS đều được HĐQT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và cán bộ quản lý khác xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

- Trong năm 2021 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

III. Giám sát dự án xây dựng:

- Tháng 07/2021, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn vào công ty con - Công ty TNHH MTV Bao Bi Bến Tre với tổng số vốn góp là 150 tỷ đồng và tại thời điểm kết thúc năm tài chính chi phí xây dựng cơ bản đã đầu tư là: 131,672,602,582 đồng.

- Việc triển khai thực hiện dự án xây dựng Công ty TNHH MTV Bao Bi Bến Tre cơ bản đúng các quy trình đầu tư.

IV. Giám sát tài chính – kế toán:

- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;

- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Báo cáo tài chính năm 2021 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2021 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2021 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2020	NĂM 2021
1	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS lưu động/ Nợ NH)	Lần	1.48	1.66
	Hệ số thanh toán nhanh ((TS lưu động- Hàng tồn kho)/ Nợ NH)	Lần	1.06	1.21
2	Hiệu quả vốn lưu động			
	Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu/ (Phải thu KH BQ đầu kỳ + cuối kỳ))	Lần	0.90	0.86
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn/ Hàng tồn kho BQ)	Lần	7.48	11.01

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2020	NĂM 2021
3	Cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ phải trả trên Tổng nguồn vốn	Lần	0.39	0.29
	Hệ số nợ phải trả trên Vốn chủ sở hữu	Lần	0.64	0.41
4	Khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	13.57	11.56
	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	17.16	20.05
	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	28.10	28.36

Đánh giá chung: Các chỉ số tài chính của công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khả năng sinh lời của Công ty tiếp tục duy trì ở mức cao như năm 2020 là một thành công lớn đối với Công ty trước áp lực giá nguyên vật liệu đầu vào diễn biến tăng mạnh trong năm 2021.

V. Giám sát thực hiện nghị quyết ĐHCĐ:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021: Công ty đã thực hiện trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

- Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

TT	CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	TH 2021	% TH/ KH 2021	% TH 2021/ TH 2020
1	Sản lượng sản xuất					
	NM giấy Giao Long (tấn)	60,784	61,000	68,199	111.80%	112.20%
	NM giấy Giao Long 2 (tấn)	234,327	230,000	260,132	113.10%	111.01%
	NM Bao bì (sản phẩm)	40,736,763	43,650,000	47,349,085	108.47%	116.23%
2	Doanh thu thuần (triệu đồng)	2,887,571	3,800,000	4,164,331	109.59%	144.22%

TT	CHỈ TIÊU	TH 2020	KH 2021	TH 2021	% TH/ KH 2021	% TH 2021/ TH 2020
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	391,924	450,000	481,340	106.96%	122.81%

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn của doanh nghiệp khi đại dịch Covid-19 vẫn kéo dài. Vượt lên tất cả khó khăn, thử thách, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB-CNV đã đạt được những thành tích đáng khích lệ.

Trong đó, sản lượng sản xuất tăng so với năm 2020 và vượt kế hoạch năm 2021. Doanh thu tăng mạnh và tăng 44,22% so với năm 2020 đồng thời vượt kế hoạch năm 9,59%. Lợi nhuận sau thuế cũng tăng trưởng và tăng 22,81% so với năm 2020 và vượt 6,96% so với kế hoạch năm đã đề ra.

B. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017 - 2021

I. Nhân sự của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS
1	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	20/05/2017
2	Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên	20/05/2017
3	Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	Bổ nhiệm 20/05/2017 - Miễn nhiệm 24/05/2019
4	Bà Mai Huyền Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm 24/05/2019 - Miễn nhiệm 10/12/2020
5	Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên	10/12/2020

II. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong nhiệm kỳ, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và báo cáo hoạt động tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm.

Ban kiểm soát luôn có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban điều hành công ty và các cổ đông.

III. Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	% TH 2021/ TH 2017
Sản lượng sản xuất						
- NM giấy Giao Long (tấn)	61,784	62,488	60,143	60,784	68,199	531.42%
- NM giấy Giao Long 2 (tấn)	0	0	68,784	234,327	260,132	
- NM Bao bì (sản phẩm)	28,535,862	31,186,371	38,219,604	40,736,763	47,349,085	165.93%
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	711,124	841,965	1,119,152	1,394,944	1,697,096	238.65%
Vốn điều lệ (triệu đồng)	344,597.69	413,515.49	559,957.83	559,957.83	699,944.23	203.12%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	810,025	926,654	1,429,886	2,887,571	4,164,331	514.10%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	80,254	134,116	181,588	391,924	481,340	599.77%
Cổ tức (%/Vốn điều lệ)	20	20	20	50	50	250.00%

Trong nhiệm kỳ vừa qua, với sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB-CNV đã đạt được nhiều thành tích trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh với sản lượng sản xuất, doanh thu và lợi nhuận năm sau đều tăng hơn năm trước.

C. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

I. Nhận xét:

- Nhìn chung, năm 2021 và nhiệm kỳ 2017 – 2021 Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo an toàn, tuân thủ pháp luật, đúng định hướng của Nghị quyết ĐHĐCD/ HDQT. Ban điều hành đã lãnh đạo toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty nỗ lực không ngừng khắc phục khó khăn mang lại giá trị phát triển bền vững cho Công ty.

II. Kiến nghị:

Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban Công ty nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh.

D. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2022-2026:

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trên đây là toàn văn nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021 và nhiệm kỳ 2017 – 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Thay mặt Ban kiểm soát tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông đã tin tưởng giao cho chúng tôi nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của Công ty trong nhiệm kỳ vừa qua. Cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc và các bộ phận phòng ban Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ trong suốt nhiệm kỳ qua.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



ĐOÀN THỊ BÍCH THÚY



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635223 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

Số: 01/TT-ĐHDCĐ

Bến Tre, ngày 27 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về các nội dung xin ý kiến ĐHCĐ thường niên 2022”

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

- Căn cứ Điều lệ hoạt động và tình hình hoạt động thực tế của Công ty;
- Căn cứ ý kiến thống nhất của các thành viên Hội đồng quản trị công ty.

HDQT công ty kính trình và xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2022 các vấn đề sau:

- 1./ Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD của Ban Tổng Giám Đốc công ty năm 2021, nhiệm kỳ 2022-2026 (báo cáo đính kèm)
- 2./ Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2021, nhiệm kỳ 2022-2026 (báo cáo đính kèm)
- 3./ Báo cáo tài chính kiểm toán (đính kèm) và phân phối lợi nhuận năm 2021

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.164.330.534.553
2	Lợi nhuận trước thuế	511.564.282.528
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(30.334.428.236)
3.1.	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	110.376.323
4	Lợi nhuận sau thuế	481.340.230.615
4.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% lợi nhuận sau thuế	24.067.011.531
4.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2%/lợi nhuận sau thuế	9.626.804.612
4.3	Chia cổ tức cho cổ đông 25%/vốn điều lệ bằng cổ phiếu và 25%/ vốn điều lệ bằng tiền mặt	342.972.795.000
4.4	Chi thưởng HDQT, BKS, Ban điều hành	3.597.000.000
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2021	101.076.619.472

4./ Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Triển khai chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHDCĐ ngày 07/06/2018) - (Báo cáo đính kèm).

5./ Chi thù lao và thưởng cho HDQT, BKS, Ban điều hành năm 2021

- Chi thù lao cho HDQT, BKS: 790.000.000 đồng.

- Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành: đã thực hiện đạt kế hoạch: thưởng 1% lợi nhuận sau thuế và thực hiện vượt kế hoạch: thưởng 10% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch. Tổng cộng: 7.947.425.368 đồng. Tuy nhiên, thực tế đã chi: 3.597.000.000 đồng.

*HĐQT thống nhất trình ĐHĐCĐ số tiền chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2021 lần lượt là 790.000.000 đồng và 3.597.000.000 đồng.

6./ Kế hoạch SXKD nhiệm kỳ 2022-2026 và kế hoạch năm 2022:

A. Kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2022-2026: Giấy kraft: 1.751.000 tấn; Bao bì carton: 399.844.100 sản phẩm; Doanh thu thuần: 23.025 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế: 3.320 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế: 2.905 tỷ đồng

B. Kế hoạch SXKD năm 2022

1. Nhà máy giấy Giao Long:

+ Máy 1: Sản lượng sản xuất: 64.000 tấn. Sản lượng tiêu thụ: 58.000 tấn. Doanh thu: 690 tỷ đồng

+ Máy 2: Sản lượng sản xuất: 240.000 tấn. Sản lượng tiêu thụ: 228.000 tấn. Doanh thu: 2.720 tỷ đồng

2. Nhà máy Bao bì: Sản lượng sản xuất: 43.650.000 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ: 43.650.000 sản phẩm. Doanh thu: 390 tỷ đồng

3. Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre: Sản lượng sản xuất: 13.300.000 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ: 13.180.000 sản phẩm. Doanh thu: 100 tỷ đồng

4. Tổng doanh thu thuần: 3.900 tỷ đồng

5. Lợi nhuận trước thuế: 515 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế: 450 tỷ đồng

7./ Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh 2022, HĐQT đề xuất trình Đại hội phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

7.1.Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 5%/lợi nhuận sau thuế

7.2.Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi : 2%/lợi nhuận sau thuế

7.3.Chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu hoặc/và tiền mặt: từ 30%/vốn điều lệ

8./ Kế hoạch chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2022

- Chi thù lao cho HĐQT, BKS: 790.000.000 đồng

- Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành: nếu thực hiện đạt kế hoạch: thưởng 1% lợi nhuận sau thuế, nếu thực hiện vượt kế hoạch: thưởng 10% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch.

9./ Ủy quyền cho HĐQT chọn một công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 trong các công ty kiểm toán có tên sau:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH PwC Việt Nam
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam

10./ Điều chỉnh chủ trương đầu tư Công ty Cổ phần sản xuất giấy bao bì, cụ thể:

+ Vốn điều lệ của Công ty: 1.000 tỷ đồng (Một nghìn tỷ đồng). Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chiếm trên 95%/vốn điều lệ.

+ Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 1.800 tỷ (Một ngàn tám trăm tỷ đồng) (+/-10%).

DHĐCĐ ủy quyền HĐQT quyết định thời gian góp vốn theo các tiến độ thực hiện dự án và tiến hành triển khai thực hiện đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

HĐQT Công ty kính đề nghị Đại hội cổ đông thường niên 2022 thảo luận và cho ý kiến biểu quyết các vấn đề nêu trên.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn



Số: 02/TT-DHĐCĐ

Bến Tre, ngày 27 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

“V/v: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre;
- Quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 với nội dung cụ thể như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
4. **Vốn điều lệ hiện nay:** 699.944.230.000 đồng
5. **Tổng số cổ phiếu đã phát hành:** 69.994.423 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 69.994.423 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu

6. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến

- Vốn điều lệ trước phát hành : 699.944.230.000 đồng
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (25%) : 174.986.050.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành dự kiến : 874.930.280.000 đồng

7. Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

8. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.

9. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 17.498.605 (Mười bảy triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm lẻ năm) cổ phiếu.

10. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 174.986.050.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi bốn tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

11. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 25% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

12. Tỷ lệ thực hiện quyền, phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): 04:01. Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 04 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

*Vi dụ: Cổ đông A sở hữu 10 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 04:01, cổ đông A được nhận $(10/4*1 = 2,5)$ 02 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 02 cổ phiếu mới. Số phần thập phân là 0,5 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.*

13. Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2021 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

14. Phương thức phát hành: Cổ tức bằng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.

15. Mục đích phát hành: nhằm tăng vốn điều lệ phục vụ cho nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.

16. Điều khoản chuyển nhượng:

- *Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.*
- *Cổ phiếu phát hành thêm bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.*

17. Thời gian thực hiện: Sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

18. Ủy quyền Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức như trên;
- Phê duyệt việc tăng vốn Điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế phát hành theo phương án nêu trên và hoàn chỉnh việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (do thay đổi vốn điều lệ) sau khi có Báo cáo kết quả phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thủ tục có liên quan tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre sau khi có Báo cáo kết quả phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Lập hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung: thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký

Chứng khoán Việt Nam toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành theo phương án nêu trên;

- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được thành công;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc vụ thể nêu trên.

Hội đồng Quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LƯƠNG VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông :
Tổng số cổ phần sở hữu : cổ phần
Tổng số cổ phần được ủy quyền : cổ phần
Tổng số phiếu biểu quyết : phiếu biểu quyết

* Các nội dung biểu quyết thông qua (đánh dấu vào ô lựa chọn) :

STT	Nội dung biểu quyết	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
01	Thông qua Báo cáo tóm tắt kết quả SXKD năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021			
02	Thông qua Báo cáo Hội đồng quản trị năm năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021			
03	Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu			
04	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021			
05	Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2021			
06	Thông qua mức chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2021			
07	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2022-2026, năm 2022			
08	Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022			
09	Thông qua kế hoạch chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2022			
10	Ủy quyền cho HĐQT chọn một Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022			
11	Thông qua việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Công ty cổ phần sản xuất giấy bao bì			
12	Thông qua các nội dung của Tờ trình số 02/TT-ĐHĐCĐ về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021			

Bến Tre, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Người biểu quyết

(Ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lô A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

PHIẾU BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2022- 2026

Họ và tên cổ đông:

Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền:

Số phiếu biểu quyết bầu cử HĐQT (*):

Stt	Ứng cử viên HĐQT	Số phiếu biểu quyết
1		
2		
3		
4		
5		
	Tổng cộng	

Bến Tre, ngày 17 tháng 06 năm 2022

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

- (*) **Ghi chú:** Số phiếu biểu quyết của cổ đông cho từng lần bầu cử bằng số cổ phần hiện tại cổ đông đang sở hữu và được ủy quyền, nhân với số thành viên được bầu vào HĐQT.
- Nhiệm kỳ **2022- 2026** số thành viên HĐQT được bầu bổ sung là **05** thành viên.
 - Ví dụ: Cổ đông **A** đang sở hữu **100** cổ phần thì số phiếu biểu quyết bầu cử thành viên HĐQT: **100x6=600** phiếu
- Mỗi cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi số phiếu biểu quyết của mình cho từng ứng cử viên chọn sao cho tổng cộng số phiếu biểu quyết cho tất cả ứng cử viên mà cổ đông chọn bằng hoặc nhỏ hơn tổng phiếu biểu quyết của cổ đông. Cổ đông có thể dồn hết cổ phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia ra cho một số ứng cử viên.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: Lộ A III, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Tel: 075.2470655 - 3611666 * Fax: 075.3635222 - 3611222
Email: donghaibentre@yahoo.com * Website: www.dohacobentre.com.vn

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2022 - 2026

Họ và tên cổ đông:

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện:

Số phiếu biểu quyết bầu cử BKS (*):

Stt	Ứng cử viên Ban Kiểm Soát	Số phiếu biểu quyết
1		
2		
3		
	Tổng cộng	

Bến Tre, ngày 17 tháng 06 năm 2022

Cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)

- (*) **Ghi chú:** Số phiếu biểu quyết của cổ đông cho từng lần bầu cử bằng số cổ phần hiện tại cổ đông đang sở hữu và đại diện nhân với số thành viên được bầu vào BKS.
- Nhiệm kỳ **2022- 2026** số thành viên BKS được bầu bổ sung là **03** thành viên.
- Ví dụ: Cổ đông **A** đang sở hữu **100** cổ phần thì số phiếu biểu quyết bầu cử thành viên BKS:
100x3=300 phiếu
Mỗi cổ đông tiến hành chọn ứng cử viên bằng cách ghi số phiếu biểu quyết của mình cho từng ứng cử viên chọn sao cho tổng cộng số phiếu biểu quyết cho tất cả ứng cử viên mà cổ đông chọn bằng hoặc nhỏ hơn tổng phiếu biểu quyết của cổ đông. Cổ đông có thể dồn hết cổ phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia ra cho một số ứng cử viên.



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÔNG HẢI BẾN TRE
CỔ PHẦN
ĐÔNG HẢI
BẾN TRE
Số: 01/NQ-DHĐCD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Bến Tre, ngày 17 tháng 06 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
(Dự thảo)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số: 01/BB.DHĐCD ngày 17/06/2022 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

QUYẾT NGHỊ

Điều I: Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều II: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều III: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2021

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.164.330.534.553
2	Lợi nhuận trước thuế	511.564.282.528
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(30.334.428.236)
3.1.	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	110.376.323
4	Lợi nhuận sau thuế	481.340.230.615
4.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% lợi nhuận sau thuế	24.067.011.531
4.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2%/lợi nhuận sau thuế	9.626.804.612
4.3	Chia cổ tức cho cổ đông 25%/vốn điều lệ bằng cổ phiếu và 25%/ vốn điều lệ tiền mặt	342.972.795.000

4.4	Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	3.597.000.000
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2021	101.076.619.472

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều IV: Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (Triển khai chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-DHĐCD ngày 07/06/2018).

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều V: Thông qua mức chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2021

- Chi thù lao cho HĐQT, BKS: 790.000.000 đồng.
- Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành: 3.597.000.000 đồng

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều VI: Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát năm 2021, nhiệm kỳ 2017-2021

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều VII: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2022-2026 và kế hoạch năm 2022

A. Kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2022-2026: Giấy kraft: 1.751.000 tấn; Bao bì carton: 399.844.100 sản phẩm, Doanh thu thuần: 23.025 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế: 3.320 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế: 2.905 tỷ đồng

B. Kế hoạch SXKD năm 2022

1. Nhà máy giấy Giao Long:

+ Máy 1: Sản lượng sản xuất: 64.000 tấn. Sản lượng tiêu thụ: 58.000 tấn. Doanh thu: 690 tỷ đồng

+ Máy 2: Sản lượng sản xuất: 240.000 tấn. Sản lượng tiêu thụ: 228.000 tấn. Doanh thu: 2.720 tỷ đồng

2. Nhà máy Bao bì: Sản lượng sản xuất: 43.650.000 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ: 43.650.000 sản phẩm. Doanh thu: 390 tỷ đồng

3. Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre: Sản lượng sản xuất: 13.300.000 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ: 13.180.000 sản phẩm. Doanh thu: 100 tỷ đồng

4. Tổng doanh thu thuần: 3.900 tỷ đồng

5. Lợi nhuận trước thuế: 515 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế: 450 tỷ đồng

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều VIII: Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

1. Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế
2. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi : 2% lợi nhuận sau thuế
3. Chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu hoặc/và tiền mặt: 30% /vốn điều lệ.

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều IX: Thông qua kế hoạch chi thù lao và chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành công ty năm 2022

1. Chi thù lao cho HĐQT, BKS: 790.000.000 đồng.
2. Chi thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành: nếu thực hiện đạt kế hoạch: thưởng 1% lợi nhuận sau thuế, nếu thực hiện vượt kế hoạch: thưởng 10% lợi nhuận sau thuế phần vượt kế hoạch.

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều X: Ủy quyền cho HĐQT chọn một Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 trong số ba Công ty kiểm toán sau

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
2. Công ty TNHH PwC Việt Nam
3. Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều XI: Thông qua việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Công ty Cổ phần sản xuất giấy bao bì, cụ thể:

+ Vốn điều lệ của Công ty: 1.000 tỷ đồng (Một nghìn tỷ đồng). Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chiếm trên 95%/vốn điều lệ.

+ Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 1.800 tỷ (Một ngàn tám trăm tỷ đồng) (+/-10%).

DHDCĐ ủy quyền HĐQT tiến hành triển khai thực hiện đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết:

Điều XII: Thông qua các nội dung của Tờ trình số 02/TT-DHDCĐ về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021

DHDCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 với tỉ lệ chi trả là 25%. Chi tiết phương án theo như Tờ trình số 02/TT-DHDCĐ ngày 27/05/2022 đính kèm.

Tỷ lệ biểu quyết: ...

Điều XIII: Thống nhất thông qua Danh sách trúng cử HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026

Tỷ lệ biểu quyết: ...

Điều XIV: Thống nhất thông qua Danh sách trúng cử BKS nhiệm kỳ 2022-2026

Tỷ lệ biểu quyết: ...

Các Ông/Bà trong HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám Đốc và các cổ đông của công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT

LƯƠNG VĂN THÀNH